TRI TÂN

TẠP CHÍ VĂN HOÁ

RA HÀNG TUẦN

Tòa báo và nhà in : 70, phố Bạch-Mai
Ty trị-sự : 195, phố Hàng Bông — Hanoi

TRONG SỐ NÀY :

* Nguồn-gốc lối từ-khúc — *Hoa-Bằng*
* Tra nghĩa chữ nho (XXVIII) — *Ứng-Hòe*
* Mùa thi-cử đã tới — *Nguyễn-Nhân*
* Tùy hứng — *Bà Mộng-Sơn — Trúc-Khê*
* Những ông nghè triều Lê (IL) — *Nguyễn-văn-Tố*
* Vấn-đề dịch sách (II) — *Đỗ-Thúc*
* Ngôi mộ danh-tướng Đinh-văn-Tả — *Tiên-Đàm*
* Buổi họp văn-chương và âm-nhạc của Tổng-hội Sinh-viên — *Phạm-mạnh-Phan*
* Triết-lý trải qua các thời đại — *Nguyễn-đình-Thi*
* Quyển « Thi văn bình chú » (I) — *Ứng-Hòe*
* Bài Đường luật ấy phải chăng của cụ Phan-thanh-Giản ? — *Trực-Thần*
* Tình trạng nền học xưa... (Hết) — *Nhật-Nham*
* Đêm hội Long-trì (Tiểu thuyết, XII) — *Nguyễn-huy-Tưởng*

Năm thứ ba — Số 89
Thứ năm, 1er Avril 1943

0$2

NGUỒN-GỐC LỐI TỪ'-KHÚC

HOA-BẰNG

CHẮC các bạn đã rõ : mấy thi-sĩ cận-đại như Mai-Nhạc, như Tản-Đà, đã từng theo một van-thể của Tau ma dịch hoặc viết những bài van vần — câu dài câu ngắn không chừng—khoác một hình-thức mới mẻ hơn thơ Đường, rung một nhạc-điệu uyển-chuyển du-dương hơn những bài thơ lúc nào cũng đều đều một giọng. Ấy là lối từ-khúc của Tàu mới được « nhập-tịch » làng quốc-văn đó.

Phải, trên mặt Nam-phong những số có đăng bản dịch *Tuyết-hồng lệ sử* và trong bản truyện *Tì-bà* đã in thành sách, dịch-giả Mai-Nhạc Đoàn-Tư-Thuật đã giới thiệu cho ta thấy hình-thức lối từ-khúc ấy qua các thể như *Giá-cô-thiên*, *Nhất-học-châu*, *Cán-khê-sa*, *Nhất-tiễn-mai*, *Điệp-luyến-hoa*, *Phá-trận-tử*...

Lối từ-khúc ấy rất có ảnh hưởng đến phái thơ mới, nên lắm người đã tưởng rằng thể thơ mới tức là do lối từ-khúc mà biến chuyển ra.

Dầu không phải thế đi nữa, từ-khúc vẫn có một địa vị trên chiếu van đàn của nước Đại-Nam, khiến những nhà viết van-học sử sau này không thể không nói đến.

Vậy nay tôi xin thử khảo sơ về từ khúc.

***

Từ 詞 là đối với thi 詩 mà nói. Về nguồn gốc của từ-khúc, có nhiều thuyết khác nhau :

Trong *Từ-nguyên* của Tàu cắt nghĩa chữ « từ » là *từ-khúc* như sau : Từ-khúc là một lối van bắt đầu có từ đời Đường (618 - 904). Nó là một biến-thể của lối cổ nhạc-phủ. Người Đường chỉ có cách thức *tiểu-lệnh* 小令 (1) ra từ những khúc như « Tử dạ áo nùng » 子夜懊儂. Về sau mới có cách thức *mạn điệu* 慢調 (2). Lối từ-khúc này rất thịnh ở triều Nam Bắc Tống (960-1279). Bấy giờ cho từ-khúc là nhạc-phủ (3), phả vào bản đàn bài hát mà làm âm nhạc.»

Trong *Hoa-am từ tuyển*, tác-giả Hoàng-Thúc-Dương có nói : « Hai bài *Bồ-tát-man* và *Ức Tần-nga* của Lý-Thái-Bạch (4) là tỵ-tổ lối từ-khúc của trăm đời ».

Cố-Khởi-Luân cũng khẳng-nhận thuyết trên : « Lối trường đoản cú (câu dài câu ngắn) là do nguồn gốc ở lối cổ nhạc-phủ mà ra vậy. Lý Thái-Bạch đầu tiên xướng ra điệu *Ức Tần-nga*, lời van lanh lảnh, trôi chảy, đẹp đẽ đi được đến chỗ thật xảo-diệu ».

Vậy hai bài « *Bồ-tát-man* », « *Ức Tần-nga* » ấy thế nào ?

Bồ-tát-man là một điệu trong từ-khúc. Mỗi bài 44 chữ, chia làm hai đoạn : đoạn trước và đoạn sau. Đoạn trước 4 câu : hai trắc, hai bằng. Đoạn sau cũng 4 câu, cũng hai trắc, hai bằng. Tất cả cộng có 8 vần.

Đây, bài *Khuê-tình* mà người ta cho là của Lý-Thái-Bạch viết theo điệu « Bồ-tát-man » :

« *Bình-lâm mạc-mạc, yên như chức,*
Hàn-sơn nhất đới thương tâm bích ;
Minh sắc nhập cao lâu :
Hữu nhân lâu thượng sầu.
Ngọc giai không trữ lập :
Túc điểu quy phi cấp.
Hà xứ thị quy trình ?
Trường đình cánh đoản-đình... »

閨情

平林漠漠煙如織
寒山一帶傷心碧
暝色入高樓
有人樓上愁
玉階空竚立
宿鳥歸飛急
何處是歸程
長亭更短亭
(菩薩蠻)

Dịch :

Man-mác Bình-lâm khói như dệt,
Hàn-sơn một dải, lòng đau biếc !
Sắc mờ dủ vào lầu :
Trên lầu, gợi ai sầu !
Thềm ngọc uổng ngóng đợi...
Chim hôm bay về vội !
Nào đâu bước qui trình ?
Trường-đình lại đoản-đình...

Bài *Thu-tứ* dưới đây viết theo điệu *Ức Tần nga* cũng được người ta nhìn-nhận là của Thái-Bạch :

« *Tiêu thanh yết,*
Tần nga mộng đoạn Tần lâu nguyệt ;
Tần lâu nguyệt,
(điệp ba chữ)
Niên niên liễu sắc
Bá-lăng thương biệt !
Lạc-du nguyên thương, thanh thu tiết,

Hàm-dương cổ đạo, âm trần tuyệt.
Âm-trần tuyệt,
(điệp ba chữ)
Tây phong, tàn chiếu:
Hán-gia cung khuyết! »

秋思

簫聲咽
秦娥夢斷秦樓月
秦樓月
年年柳色
灞陵傷別
樂游原上清秋節
咸陽古道音塵絕
音塵絕
西風殘照
漢家陵闕
(憶秦娥)

Dịch :

Sáo hết ngân,
Gái Tần đứt mộng giăng lầu Tần.
Giăng lầu Tần
(điệp ba chữ)
Năm năm bên liễu
Tiếc biệt bao lần!
Lạc-du gò ấy thu thanh-tân,
Hàm-dương lối cũ, tắt âm-trần. (tin-tức)!
Tắt âm-trần,
(điệp ba chữ)
Gió tây, bóng ngả:
Lăng Hán trân-trân...,

Xin bạn đọc chú ý : Điệu *Ức Tần nga* này, suốt bài 46 chữ, chia làm 2 đoạn, mỗi đoạn có 5 câu (không kể 2 câu lấp lại), cộng 8 vần, Nguyên-tác làm vần trắc, bản dịch đổi làm vần bằng.

***

Theo *Thiều khê ngư tiều tùng thoại* thì hồi đầu đời Đường, ca từ phần nhiều là lối thơ ngũ-ngôn hoặc thất ngôn, chứ không có lối trường đoản cú. Từ giữa đời Đường đến hồi Ngũ-đại (Hậu-Lương, Hậu-Đường, Hậu-Tần, Hậu-Hán và Hậu-Chu) dần dần biến thành thể câu dài câu ngắn, tức là lối từ-khúc như ta đã thấy đó.

Nhưng trong *Từ luận* của Lý-Dị-An lại nói khác. Đại khái : Khoảng Khai-nguyên (713-741) Thiên-bảo (742-755) đời Đường, có Lý bát-lang là tay hát giỏi nhất. Bấy giờ bọn các ông nghè mới đỗ, mở tiệc ăn mừng ở Khúc-giang. Trong bọn các ông tân khoa ấy có người bảo trước cho Lý đổi họ, thay tên, mặc áo đội mũ cũ rách, làm ra bộ dạng thảm não ; rồi dẫn Lý đến cùng dự tiệc mà nói : « Đây là người em họ ngoại của tôi, xin cho phép chú nó dự ngồi ở chỗ cuối này ! » Mọi người đều không để ý. Khi rượu đã mời, nhạc đã nổi, ai cũng trầm-trồ khen phục bài của Tào-Nguyên-Khiêm. Người nhận Lý là em họ ấy bỗng trỏ Lý mà rằng : « Chú thử hát đi ! » Ai nấy mỉm cười, có người lại tức-giận là khác ! Kịp khi người an-mạc rách-rưới ấy dọn giọng, cất tiếng hát một khúc, thì mọi người đều lã-chã sa châu ! Rồi họ sụp xuống lạy mà rằng : « Thôi, đây là Lý bát-lang rồi ! » Từ đó lối ca-từ ngày một thịnh hành.

Những thuyết dị đồng về chỗ nguồn gốc của từ-khúc ấy đại khái là thế.

***

Nhưng xét : lối *từ* đã có từ hồi Chiến-quốc (306 246 tr. Tây lịch). Mà thủy tổ của lối từ thì là Khuất-Nguyên nước Sở. Trong tập *Sở từ* của Khuất có lắm bài khá dài. Riêng bài *Ly-tao* (nghĩa là mắc sự lo buồn) cũng đã dài tới 2.492 chữ.

Còn *khúc* thì là một lối trong nhạc-phủ. Nhạc-phủ bắt đầu có từ đời Hán Vũ-đế (25-37).

Khi nói chung là từ-khúc thì người ta lại cho đó là biến thể của nhạc-phủ, một văn thể đã nhóm lên từ đời Lục triều (tức là sáu triều đại : Ngô (222-280), Đông Tấn (317-420), Tống (420-479), Tề (479-502), Lương (502-557), Trần (557-589), vì lối nhạc phủ đời Lục triều phần nhiều dùng cái hình thức trường đoản cú. Vả văn-chương đời Lục-triều lại hay chú trọng về lời cho đẹp-đẽ lả-lướt, nhất là lại chuộng phần thanh điệu cho kêu ròn. Bài *Giang-nam-lông* của Lương Vũ-đế (502-549) cũng có thể nói là loại từ-khúc đó.

HOA BẰNG

---

1) Những điệu ngắn trong lối từ-khúc

2) Biến điệu của từ khúc.

3) Có chức quan Nhạc phủ chuyên việc hoặc làm thơ để hiệp với âm nhạc, hoặc nhặt lượm thơ để ghép vào âm nhạc. Những bài do Nhạc phủ chế ra đó gọi là nhạc-chương. Có những mệnh đề như : 1) ca, 2) hành, 3) ca hành, 4) dẫn, 5) khúc, 6) ngâm, 7) từ, 8) thiên, 9) xướng, 10) điệu, 11) oan, 12) thán. Từ đó người ta kêu chung những bài có thể phủ vào âm nhạc ấy là lối nhạc-phủ.

4) Có thuyết lại cho rằng đời Lý Thái Bạch còn chưa có lối từ. Đó là do người sau làm giả-mạo ra. Có thuyết lật cho bài Bồ-tát-man là do Ôn Phi-Khanh làm ra. Nhưng trong tập Tương-sơn dã-lục chép rằng Ngụy Thái-Phụ kiếm được tập Cổ-phong ở nhà Tăng tư-Tuyên, trong đó chỉ công-nhận bài Bồ-tát-man là của Lý Thái-Bạch làm.

5) Khuất-Nguyên người nước Sở, Chiến-quốc, tên là Bình, biệt hiệu Quan, làm chức Tam lư Đại phu. Bị thần gièm pha, vua Sở sơ bạc, Khuất làm thiên Ly tao để mong nhà vua động và tỉnh-ngộ. Sau phải đầy ở Giang nam, Khuất làm những thiên nhà phú để tỏ chí mình. Vì quá phẫn Khuất tự trầm ở sông Mịch-la nhân mồng năm tháng năm.

TRA NGHĨA CHỮ NHO

Số 28

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Có cái đĩa Tàu vẽ một quả phật-thủ và một quả đào để chúc người ta được phúc và được thọ: theo lối đồng âm dị nghĩa, phật-thủ là phúc, vì tiếng Tàu (quan-thoại) đọc phật là *fo* và phúc là *fou;* còn quả đào là biểu-hiệu tuổi thọ, bài trước đã nói rồi.

Một cái lọ Tàu vẽ bốn mặt: một mặt vẽ con rồng, một mặt vẽ con phượng, nghĩa là « long phượng trình tường », con rồng và con phượng bày điềm tốt lành. Còn hai mặt kia vẽ con hạc và con hươu là biểu hiệu tuổi thọ.

Đồ sứ Tàu có cái chấm quả đào (là thọ), con dơi (là phúc) và hoa sen (chữ nho là liên): gọi là « liên phúc thọ », nghĩa là được sống lâu sung-sướng luôn luôn.

Có cái đĩa dầm vẽ chữ thọ, một con dơi và hai đồng tiền: đọc thành chữ là « phúc thọ song tuyền », vì chữ tuyền (ts'uen) đồng âm với chữ tiền (ts'ien).

Lại có cái vẽ con dơi, hoa sen, quả đào; dưới quả đào có chữ song hỉ: thế là phúc (dơi), thọ (đào), hai sự mừng (song hỉ) đi liền (sen) với nhau.

Người Tàu và người Nam không chỉ chúc nhau phúc thọ mà lại chúc nhau đông con cháu. Trong kinh Thi có bài thơ bà Thái-tự là vợ vua Văn-vương không có tính ghen, nên các nàng hát bài thơ này vì bà như con châu-chấu ở với nhau từng lũ, họp với nhau từng đàn, thì con cháu được đông nhiều: có đức ấy, nên có phúc ấy. Bài thơ như sau này: « Chung-tư vũ, sần sần hề! nghi nhĩ tử tôn, chân chân hề! — Chung-tư vũ hoằng hoằng hề! nghi nhĩ tử tôn thằng thằng hề! — Chung-tư vũ, ấp ấp hề! nghi nhĩ tử tôn, trập trập hề! » (*Kinh Thi*, bài thứ 5, *Quốc-phong*). Bài thơ ấy ví như « lông cánh con châu-chấu kia nhiều nhung-nhúc; đáng khen thay con cháu nó có dáng khoan thai! — Lông cánh con châu-chấu kia, bay ráo ráo; đáng thay con cháu nó từng đàn từng lũ! — Lông cánh con châu chấu kia, dày chi-chít; đáng khen thay con cháu nó được vui-vầy! »

Lại có một bài thơ thứ nam trong *Đại-nhã* kinh Thi, có câu: « Tắc bách tư nam », khen bà Thái-tự là người có đức-hạnh đáng được một trăm con giai. Bài ấy trích dịch như sau: « Tư tề Thái-nhâm, Văn-vương chi mẫu; Tư my Chu-Khương, kinh-thất chi phụ; Thái-tự tự huy-âm, tắc bách tư nam », Có bà Thái-nhâm là người kính-cẩn, tức là mẹ vua Văn-vương. Khi làm bà Chu-Khương thì thật là yêu-mến, xứng đáng là vợ bậc vương-thất. Đến bà Thái-tự lại noi theo cái đức tốt của mẹ chồng, đáng được trăm con giai.

Có cái đĩa dầm chấm một trăm cái chấm vàng, ngày xưa gọi là một trăm vú: chính cái điển vẽ ấy hợp vào câu thơ một trăm giai.

Có một cái phong-bì vẽ một đứa bé con, bên cạnh viết ba chữ «Nghi tử tôn»: ý người viết thư chúc cho người nhận thư được đông con nhiều cháu.

Trước kia đã chép quả lựu cũng là biểu-hiệu đông con, vì có nhiều hột. Một cái đĩa bày qủa lựu bằng sứ hay bằng sành là chúc nhau đông con cháu.

Nhưng cái số một trăm con giai chắc đâu có được. Thế cho nên thường thấy chạm vào những đồng tiền cổ chữ « ngũ nam nhị nữ », nghĩa là chúc nhau được năm giai hai gái. Câu chuyện năm giai tức là chuyện Đậu-Vũ-Quân, người châu U Bắc-kinh (nhân chỗ

MÙA THI ĐÃ TỚI

* *Bạn nào có con em thi SƠ-HỌC YẾU-LƯỢC thì nên cho dùng:*

Tập bài thi bằng Sơ-học yếu-lược

hai ông Dương-quảng-Hàm và Dương-tụ-Quán in lại lần thứ 8 — Giá 0$75 — Cước 0$20.

Bạn nào có con em thi **Certificat** *thì cho dùng:*

Cent Rédactions corrigées

hai ông Trần-huy-Cơ và Nguyễn-huy-Hoàng, in lại lần thứ 2 — Giá 0$85 — Cước 0$20.

Recueil de Dictées

Dương-q-Hàm, in lần thứ 3, giá 1$20, cước 0$30.

Đề cho hiệu sách ĐÔNG-TÂY,
195 Hàng Bông — HANOI

đất thuộc vào nước Yên, nên gọi là Yên-sơn), sinh năm giai, đều thành tài, trong *Tam tự kinh* có câu « nghĩa phương » là ông Đậu-Vũ-Quân dạy con rất nghiêm, chỗ cha con nghiêm như vua tôi, nơi trong ngoài nghiêm như quan cấm, con cái thịnh-vượng.

Có cái gương đồng khắc chữ « ngũ tử đăng khoa », nghĩa là năm con đều đỗ cả. Có thứ chạm hoặc vẽ năm đứa trẻ tranh nhau một cái mũ trên đỉnh cắm lông công, chữ nho gọi là khôi (quan-thoại đọc là k'œi), đồng âm với chữ khôi (*k'œi*) là chỗ đều tranh nhau mũ như thế, không phải tranh nhau làm tướng võ đâu, chính là tranh nhau đỗ đầu. Người ta trông kiểu vẽ như thế có thể đoán là năm chữ « ngũ tử đoạt khôi », nghĩa là năm con đều giật giải nhất.

Có một chiếc lọ cổ, một bên vẽ nam đứa bé, một bên vẽ con kỳ-lân, có đứa bé cưỡi trên lưng kỳ-lân, bên cạnh đề mấy chữ « Kỳ-lân tống tử », nghĩa là kỳ-lân đưa con đến. Có nhiều bức thêu cũng thêu như thế. Nhưng lại thêm một lối « chơi chữ » cũng vẽ con kỳ-lân có đứa bé con cưỡi, một tay cầm hoa sen (chữ nho là liên), một tay cầm cái sênh (sinh), nó cưỡi kỳ-lân (quí-tử), tức là « liên sinh quí-tử », nghĩa là chúc nhau sinh con quí luôn luôn. Trên đứa bé có vẽ một cái but (đọc tránh là tất), một đỉnh vàng (định) và một cái như ý. Người ta đọc bức vẽ thành chữ là « tất định như ý », chắc chắn được như ý. Có một bức thêu thêm một đứa bé tay cầm cành quế và một cái sênh, chữ nho đọc là « sinh qui-tử » (lược dịch quyển Ed. Chavannes, *De l'expression des vœux dans l'art populaire chinois*).

(*Còn nữa*)

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Đọc sách

Trong tập Phổ thông bán nguyệt san ông Trúc-khê có đem dịch quyển *Truyền-kỳ mạn lục* của ông Nguyễn Dữ. Nhiều truyện rất ly-kỳ không kém gì truyện Liêu-trai của người Tàu.

Ông Trúc-khê lại có tài dịch thuật, nên những câu chuyện có điểm các bài thi, ca, từ khúc đã được phô-diễn một cách rất mặn-nồng trang-nhã.

Đọc *Truyền-kỳ mạn lục* ta có cảm-tưởng như nửa sống trong đời huyền-ảo, nửa sống trong khuôn khổ lịch-sử hồi xưa. Một áng văn hay, một người dịch giỏi, ba tập nguyệt san ấy đã giúp ích cho chúng ta về phương-diện khảo-cứu văn-học về cận-đại. T. Đ.

Cuộc thi văn của hội Khai-Trí Tiến-Đức

Cuộc thi văn của hội Khai Trí Tiến-Đức tổ-chức vào ngày hội văn mồng 10 tháng 8 ta năm nay có:

1· — *Một bài thơ kỷ sự*: đầu đề là tiểu sử một vị danh nho đời Trần. (Những văn thơ trích lục vào trong bài xuất sứ ở đâu phải đề rõ).

2· — *Một bài văn quốc âm*: đầu đề: Vịnh bà Nguyễn thị-Kim ở làng Tỷ-bà (Bắc-Ninh) vợ vua Lê Chiêu Thống; đường luật, ngũ, thất ngôn, tuỳ dụng, phóng vận.

3· — *Một bài thơ hán văn*: Cũng đầu đề và thể lệ như bài thơ quốc âm.

4· — *Một bài văn lục bát*: đầu đề: Ngụ ngôn (từ 20 đến 40 câu).

5· — *Một bài luận quốc văn*: đầu đề: Vấn đề hôn nhân.

Cuộc thi có 5 bài, ai muốn làm một hay nhiều bài hay cả tùy ý.

Hạn thu quyển thi đến 15 juillet 1943 (14 tháng 6 ta) là hết.

Các giải thưởng sẽ là những đồ văn phòng và mỹ thuật.

Các bài giải sẽ đem bình vào ngày phát thưởng mồng 10 tháng 8 ta (9 septembre 1943).

Hội Khai trí tiến đức

Kỳ sau:

Một giờ với ông Đào Duy-Anh

của LÊ-THANH

MUỐN HIỂU ĐẾN NƠI ĐẾN CHỐN

MỘT DANH-TỪ, MỘT THÀNH-NGỮ, MỘT MÔN HỌC THUẬT

Các bạn cần phải đọc tập tài-liệu

BÁCH KHOA ĐẠI-TỪ-ĐIỂN

của Quốc-Học Thư-Xã

Đón coi: tập SỬ-HỌC của cụ Lại-Bộ PHẠM-QUỲNH

VẤN - ĐỀ « HỌC »

MÙA THI - CỬ SẮP TỚI...

NGUYỄN-NHÂN

MÙA thi-cử sắp tới là một dịp cho tôi trở lại vấn - đề « Học » mà tôi đã bỏ dở dang sau mấy bài trong Tri-Tân từ mấy tháng trước (1).

Các báo hàng ngày gần đây đã thấy công bố thể lệ thi « Sơ-học yếu lược » và « Sơ học pháp-việt ».

Mỗi lần tôi đọc thấy những danh-từ này trên mặt báo là một lần tôi phải suy-nghĩ và phải bực mình vì thói quen cẩu thả của người mình. Ta cứ quen mồm gọi và quen tay viết những chữ mà, nếu chịu suy nghĩ một chút, ta thấy ngay rằng nó không đúng và cần phải sửa chữa lại.

Trước năm 1938, ta vẫn quen dịch « Certificat d'études élémentaires indigènes » là « bằng Sơ-học yếu - lược », « Certificat d'études primaires franco - indigènes » là « bằng Sơ-học pháp-việt » và « Diplôme d'études primaires supérieures franco-indigènes » là « bằng Cao-đẳng tiểu-học pháp-việt ».

Như thế đã có chỗ không ổn rồi. Nếu « primaire superieur » dịch « cao-đẳng tiểu-học », thì « primaire » phải là « tiểu - học » chứ không phải « sơ-học »

Mà nếu đã dịch « primaire » là « sơ-học » thì « primaire superieur » phải là « cao - đẳng sơ học » mới đúng

Từ năm 1938, những danh - từ của ta lại càng sai-lạc đi nữa, không đúng với danh-từ chữ pháp.

Do mấy đạo nghị-định của quan Toàn-quyền năm 1938 và 1939, tên trường và tên bằng có thay đổi chút ít.

Ta nhận thấy ba điều này :

1·) Thay chữ « franco-indigène » bằng chữ « indochinois ».

2·) Những trường chỉ có 3 lớp dưới (đồng - ấu, dự - bị, sơ-đẳng), trước kia gọi là « écoles élémentaires », thì đổi ra « écoles primaires élémentaires » ; tên bằng « Certificat d'études élémentaires » đổi ra « Certificat d'études primaires élémentaires ».

3·) Những trường có đủ 6 lớp trước kia gọi là « écoles primaires », thường khi lại phân-biệt 3 lớp dưới là « cycle élémentaire » và 3 lớp trên là « cycle primaire ». Từ khi có sự sửa-đổi, thì tên trường, tên bằng có chữ « primaire » đều đổi ra « primaire complémentaire ».

Mặc dầu có sự sửa-đổi này, ta vẫn nhất-định dùng những danh-từ cũ « sơ-học yếu-lược » và « sơ-học pháp-việt », tuy rằng nó không hợp thời nữa.

Nha Học-chính đã công-nhận mấy chữ « sơ-đẳng tiểu-học » để dịch « primaire élémentaire » : trên văn bằng có in đành đành như vậy

Đáng lẽ các báo ta cũng nên theo thế mà đem phổ-thông mấy chữ mới kia. Nhưng, trái lại đâu đâu, tôi vẫn chỉ thấy « sơ-học yếu-lược » mà thôi.

Nha Học-chính không dịch mấy chữ « primaire complémentaire », Còn ta, ta cứ nhất-định nó là « sơ-học pháp-việt », tuy « franco-indigène » đã đổi ra « indochinois » và tuy hai chữ « sơ-học » không được ổn, như tôi đã nói trên kia.

Có một lần, một tờ báo hàng ngày đã gọi bừa cái bằng « Certificat d'études primaires complémentaires » là « bằng thành-chung». Ông nhà báo quá thông-minh nào đấy đã lầm cái tên mới này với cái tên « Diplôme d'études complémentaires » xưa kia mà về sau đổi ra « Diplôme d'études primaires supérieures ».

Hiện nay cũng có người vẫn gọi cái bằng cao-đẳng tiểu-học là bằng thành-chung. Nhưng đem gán hai

Đã có bán :

BA MƯƠI NĂM VĂN HỌC

của MỘC-KHUÊ giá 1 $ 35

Hay là cuộc tiến-hóa văn-học nước nhà trong vòng ba mươi năm nay.

Còn một ít.

LUẬN-TÙNG (1 $ 50) TRIẾT-HỌC EINSTEIN (2$30) TRIẾT HỌC NIETZSCHE (1 $ 95) TRIẾT HỌC KANT (1 $ 50)

Nhà xuất bản **TÂN VIỆT** đã dọn lại

29. LAMBLOT — HANOI

chữ « thành-chung » cho cái bằng tốt-nghiệp bậc tiểu-học thì nhất định không thể được.

Đến đây, tôi lại sực nghĩ đến một cái lạ nữa của người mình. Nhiều khi tôi đã thấy người ta nói và viết vu-vơ : « bằng tốt-nghiệp ». Tốt-nghiệp gì mới được chứ ? Tốt-nghiệp bậc tiểu-học hay bậc cao-đẳng tiểu-học ? « Tốt » hơn hết là bỏ hai chữ « tốt nghiệp » ấy đi nếu không cho nó một định-nghĩa rõ ràng.

Ta đã sẵn có mấy chữ « cao-đẳng tiểu-học ». Nếu nha Học-chính công nhận mấy chữ « sơ-đẳng tiểu-học » để chỉ cái bằng dưới cùng, thì ta rất có thể lấy mấy chữ « trung-đẳng tiểu-học » để chỉ cái bằng đứng giữa hai bằng sơ-đẳng tiểu-học và cao-đẳng tiểu-học.

Tuy vậy, có điều này coi có vẻ ngộ nghĩnh : bằng sơ-đẳng tiểu-học tất nhiên là bằng tốt-nghiệp hay kết thúc lớp sơ-đẳng (C. élémentaire) của trường tiểu-học. Được rồi. Nhưng đến bằng trung-đẳng tiểu-học lại không phải là của lớp trung-đẳng (C. Moyen) trường tiểu-học. Và, trên nữa, bằng cao-đẳng tiểu-học, cũng không phải là của lớp cao-đẳng (C. Supérieur) trường tiểu-học. Vả lại, « sơ-đẳng tiểu-học » và « trung-đẳng tiểu-học » có vẻ dài dòng lôi thôi lắm.

Tôi tính làm thế này thì ổn hơn cả : Vẫn giữ nguyên « cao-đẳng tiểu-học » ; cái bằng giữa gọi vắn tắt là « bằng tiểu-học » thay cho « sơ-học pháp-việt » ; cái bằng dưới gọi vắn tắt là « bằng sơ-học » thay cho « sơ-học yếu-lược ».

Điều cần nhất là đừng lẫn « sơ-học » với « tiểu học ». Nếu từ trước ta đã cẩu-thả lẫn cái nọ với cái kia, thì từ nay ta nên phân-biệt ra :

Trường chỉ có 3 lớp dưới là *trường sơ-học*. Học hết lớp sơ-đẳng có thể thi lấy *bằng sơ-học*. Trường có đủ 6 lớp là *trường tiểu học*. Học hết lớp cao đẳng, thi lấy *bằng tiểu-học*.

Mới nghe những điều này, hẳn có người bảo : « Ồ ! Thế thì có gì lạ ?». Cái lạ là ở chỗ định nghĩa rõ ràng như thế và đừng lẫn cái nọ với cái kia.

Phải bỏ hẳn « sơ-học yếu-lược » đi : gọi nó là « sơ-học » thôi.

Phải bỏ hẳn « sơ-học pháp-việt » đi : gọi nó là « tiểu-học ».

NGUYỄN-N[illegible]

1) *Tri-Tân số 59-60-68-69.*

TÙY HỨNG

Sau ngày ly-biệt

tặng Khanh-Vân

Con thuyền rẽ nước sang ngang,
Gió đưa lạnh-lẽo, sương dăng mịt-mùng.
Ai về trong lúc tàn đông,
Ở đây vắng ngắt cánh rừng lá reo.
Sớm chiều mây phủ lưng đèo ;
Lòng bâng-khuâng thấm qua nhiều mưa bay !

Bà MỘNG-SƠN

DỊCH THƠ ĐƯỜNG

Tống Mạnh Hạo-Nhiên chi Quảng-lăng

Cố nhân tây từ hoàng hạc lâu
Yên hoa tam nguyệt hà Dương-châu,
Cô phàm viễn ảnh bích không tận,
Duy kiến Trường-giang thiên tế lưu.

LÝ BẠCH

Tiễn Mạnh Hạo-Nhiên đi Quảng-lăng

Bạn từ lầu Hạc ra đi,
Dương-châu hoa khói đương kỳ tháng ba.
Xanh mờ một cánh buồm xa,
Trường-giang hút tham trời qua long giời.

TRÚC-KHÊ dịch

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHÈ TRIỀU LÊ

Số 49

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

KHOA Mậu-tuất, nam 1478, đỗ 50 người đệ tam giáp: trước đã kể sáu người, nay kể từ người thứ bảy trở xuống:

7.— Vũ-tiến-Biểu, người xã Bình-lang, huyện Thiên-thi, phủ Khoái-châu, tỉnh Sơn-nam. Đỗ năm ba-mươi tuổi. Làm quan đến Hàn-lâm (*chép theo Đăng khoa bị khảo*, sách viết của Trường Bác-cổ, số A 485, Sơn-nam, tờ 71 a).

8. — Trần-quí-Nghị, người xã Thanh-lãng, huyện An-lãng, phủ Tam-đái, tỉnh Sơn-tây. Đỗ năm hai-mươi tuổi. Làm quan đến thượng-thư (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây thu-tập thượng, tờ 43 b).

9. Nguyễn-Kỷ, người xã Như-lân, huyện Tế-giang (Văn-giang), phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Đỗ năm ba-mươi-sáu tuổi. Trong đời Cảnh thống (1498 - 1504) làm đến Binh-bộ hữu-thị-lang. Năm 1504 vua Lê Hiến-tôn thang-hà; mùa đông năm ấy Nguyễn-Kỷ phụng chức chánh-sứ sang nhà Minh cáo tang; lúc về, thang Công-bộ tả-thị-lang (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 94 a).

10. — Nghiêm-Phụ, người xã Lan-độ, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, tỉnh Kinh-bắc. Làm quan đến [illegible]ra-chính-sứ. Là anh bộ Nghiêm-[illegible]-Khiêm, đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ [illegible] canh-tuất, năm 1490 (*Đăng [illegible]n lục*, quyển 1, tờ 24 a).

11. — Nguyễn thiệu-Trí, người [illegible] ân tòi, huyện Lập-thạch, phủ [illegible]m-đai tỉnh Sơn-tây. Đỗ năm ba-mươi tuổi. Làm quan đến Hộ-bộ thượng-thư, trí sĩ, thọ chín mươi hai tuổi. Lúc bấy giờ (năm 1527) Mạc Đăng-Dung tiếm ngôi, con trưởng ông theo Mạc. Ông từ, lập con thứ hai thừa tự. Ông ngảnh mặt về Lam-sơn khóc lạy, rồi tự vẫn.

Đến đời trung-hưng khen thưởng bậc tiết-nghĩa, phong ông làm Thượng-đẳng-thần, lập đền thờ để tế (*Đăng khoa bị khảo*, thu-tập thượng, tờ 56 a).

12. — Nguyễn-Nghiễm, người xã Bình-sơn, huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, tỉnh Kinh-bắc. Nguyên quê ở xã yên-đồ. Đỗ năm sáu-mươi tuổi. Làm quan đến tham-chính. Sinh ra Nguyễn-Vân-Quạng, đỗ hoàng-giáp khoa kỷ-sửu, năm 1529 (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 24a, quyển 2 tờ 22a).

13.— Dương-Bính, người xã Hà-lỗ (Hà-tăng), huyện Đông-ngàn, phủ Từ-sơn, tỉnh Kinh-bắc. Làm quan đến thừa-chính-sứ. Là tằng-tổ Dương Cảo, đỗ hoàng-giáp khoa mậu-thìn năm 1628 (*Đăng khoa lục*), quyển 1, tờ 24 a, quyển 3, tờ 7 b).

14.— Nguyễn-hiếu-Trung, người xã Khinh-dao, huyện Hạp-sơn (Giáp-sơn), phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Làm quan đến giám-sát ngự-sử (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 24 a).

15. — Bùi-sương-Trạch, người làng Định-công, huyện Thanh-đàm, phủ Thường-tín. Ngụ ở xã Thịnh-liệt. Đỗ năm hai-mươi-tám tuổi (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 24a, chép đỗ năm 41 tuổi). Lúc bé chăm việc cầy-cấy; ngoài thì giờ làm, lại lưu-tâm học-tập: đeo sách vào bừa, để đom đóm vào túi, lấy ánh sáng mà học; việc làm ruộng không bỏ, mà học-nghiệp vẫn tiến. Đi thi đỗ ngay; khi cheo bảng, ông hãy còn cầy ở ngoài đồng: người làng lấy làm vinh-hiển lắm. Lúc mới đỗ, bổ chức Hàn-lâm. Khi vua Lê Thánh-tôn đi đánh Chiêm-thành, ông đi hỗ-tụng, thăng chức đốc-thị, có công. Mùa đông năm kỷ-dậu 1489, phụng sứ sang nhà Minh về việc tuế cống. Vua Thánh-tôn mất (năm 1497), vua Hiến-tôn lên ngôi, thang chức Đông-các hiệu-thư, dần dần thăng đến chức Binh-bộ thượng-thư coi việc lục bộ, kiêm chức đô-ngự-sử, coi việc tòa Kinh-diên, Quốc-tử tế-tửu, Quảng-văn-hầu. Năm canh-thìn (? 1520), tuổi bảy mươi về trí-sĩ, thọ 79 mất. Sau truy tặng Thái-phó Quảng-quận-công. Tên thụy là Văn-Lượng. Con thứ là Bùi-Vinh đỗ bảng-nhãn khoa nhâm-thìn 1532. Con trưởng là Bùi-Trụ do trúng-thức ra làm quan nhà Mạc đến Tản-kỵ thượng-thư, sau qui-thuận nhà Lê, được phong công-thần. — Năm Hồng-đức thứ hai-mươi-bốn (1493), ông Bùi xương-Trạch vâng mệnh làm bài *Quảng-văn-đình ký*. Ông gặp thời làm quan, đảm-đang kinh-tế mà thanh-liêm không có một chút gì doanh lợi riêng; được bổng-lộc bao nhiêu đều chia cho họ-hàng làng xóm: lòng tốt rộng rãi, đời bấy giờ tôn-phục (*chép theo lịch triều Hiến chương*, *Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 24 a, *Lịch đại danh-thần thực-lục*, sách viết của Trường Bác-cổ, số A 1374, tờ 24 a).

(*Còn nữa*)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Một kiến giải về

VẤN ĐỀ DỊCH SÁCH

Số 2 ĐỖ-THỨC

SAU này có một trang của E. Faguet đã viết trong quyển « Thập bát thế-kỷ khảo cứu về văn-chương » (18e siècle — Études littéraires), tôi tưởng hay đã dịch, xin chép ra đây, nói về Voltaire (chữ hán đã dịch là Phú-đặc-nhĩ) :

Pháp văn. — Le goût classique, pour lui, ce n'est pas forte connaissance de l'homme, passion du vrai et ardeur à le rendre, imagination énergique et mâle, associant l'univers à la pensée de l'homme et peuplant le monde de grandes idées humaines devenant des dieux et des cieux, sensibilité vraie et forte née de la conscience profonde des misères et des grandeurs de notre âme — et parce que tout cela est bien compris et possédé pleinement et, pour que tout cela soit bien compris des autres —, clarté, ordre, harmonie, proportions justes, marche droit au but, ampleur, largeur noblesse. Non, l'art classique n'est pour lui que clarté, ordre, netteté, ampleur et noblesse, sans le reste ; et c'est ce qui est saisir la forme, la bien voir même, avec justesse et sûreté, mais ne pas soupconner le fond ; et c'est tout, Voltaire critique.

Diễn nôm. — Sự thích lối cổ-điển theo ý ông ta thì không phải là biết rõ loài người ta, hamchuộng nhẽ thực và nhiệt-thành mô-tả nhẽ ấy ra, tưởng-tượng cương-cường hùng-tráng, hợp vũ-trụ với cái tư-tưởng của con người ta, mà đem vào cõi đời đầy những ý tứ nhân-quần trở nên chư-vị thần-tiên với những thiên cung, đa tình-cảm chân-thành mà mạnh-giỏi, vì có hương-tri thâm-trầm thấu rõ những nỗi hèn mọn và những cảnh nhơn-nhao trong cõi lòng ta, — mà bởi vì tất cả những sự ấy đã hiểu kỹ và am tường đầy-đủ rồi, và muốn cho tất cả những sự ấy được nhiều người khác cũng hiểu kỹ, — cho nên sáng-suốt, thứ-tự, điều-hòa, đều-đặn, đi thẳng đến mục-đích, dồi-dào, rộng-rãi, sang-trọng. Không, Mỹ-thuật theo cổ-điển cứ như ý ông ấy là chỉ có sáng-suốt, thứ-tự, gọn-ghẽ, dồi-dào, sang-trọng, không còn gì nữa ; và ấy là hiểu cái bề hình-thức, nọm rõ cái hình-thức, nom đúng mực mà chắc-chắn, nhưng không tưởng đến nơi căn-lý, mà tất cả Voltaire nhà phê-bình chỉ có thế.

Trong trang tiếng pháp đã dịch ra quốc-ngữ trên ấy, rất khó-khăn ở chỗ những câu quá dài, mà phải theo thứ-tự những tiếng xếp đặt, không thể đảo lên lộn xuống, mà về phần tư-tưởng thì cực rộng, ai đã từng đọc những pho trường-thiên-ca, những bài kịch bất-hủ của các nhà đại văn-sĩ âu xưa, thì thấy rõ ý-tứ của tác-giả kia.

Nhưng ta hãy xét vấn-đề dịch sách về phương-diện khác nữa, nếu mà có tảo bạo xâm-canh vào khu-vực các nhà học chuyên-môn mà sai nhầm sự gì, xin các nhà ấy thứ lỗi.

b) Nói về danh-từ chung của muôn sự-vật, hình như kho tiếng ta rất nghèo-túng. Về phần khoa-học, thì ai cũng công-nhận. Nhưng ta đừng ta-thán, chê bai, thử nghĩ : có phải riêng nam-ngữ thiếu tài-liệu cho nhà cách-vật tri-trí không ? Xem chừng pháp-ngữ về mặt ấy cũng như thế vậy, vì đã phải vay mượn tiếng của hy-lạp xưa, hay tiếng la-tinh. Nói cho đúng hơn, sự nghèo-túng kia lắm khi là tại sự quên nhãng, hay bỏ qua những tiếng của ta sẵn có rồi, mà vội vàng mượn tiếng nước ngoài ; hoặc là tại phần ý tứ, tư tưởng hay tác tượng không phong phú ; mà rất thường thường là tại nơi sự-vật. Ví dụ, nước ta vốn khỏi [illegible] sản rượu nho thì làm thế nào mà có tiếng « vin » ? *Vin* nhập-cảng trong quốc-âm thành ra *vang*, vì màu rượu ấy có thứ như vàng. Một tỉ-dụ ấy cũng đủ. Không phải kể đến nhiều vật khác, hoặc hữu-hình, hoặc vô-hình, riêng bên ta trước không thấy xuất hiện. Vậy người ta có thể tưởng đại khái nay nước nào cũng nghèo ngôn ngữ, phải vay mượn lẫn nhau, hoặc nhiều, hoặc ít. Nếu cần phải dẫn chứng minh nữa, thì xin nói thêm rằng : toán-học bên Pháp trước kia không nghĩ đến phép tính đại-số, nghĩa là dùng chữ thay số, cho nên đã hấp thụ tiếng ả-rập *al djebr* mà lập thành tiếng algèbre vậy. Đất pháp không có cây chè, đã phải mượn tiếng trung-hoa, vì thế có tiếng « thé ».

Có lắm tiếng pháp diễn ra quốc-ngữ nên theo âm, như *éponge*, có thể dịch là *ê-bông*. Bên ta khó có muông kia mà tiếng pháp là *phoque*, thì ta mượn chữ hải-cẩu, nhưng dịch âm của pháp gọi là *phóc*, nghe cũng được. (*Còn nữa*)

ĐỖ-THỨC

Một cổ-tích mới phát-kiến ở Hải-dương

NGÔI MỘ ĐẠI-TƯỚNG ĐINH-VĂN-TẢ

TIÊN-ĐÀM

MẢN cần mở-mang, thành-phố Hải-Dương cho phụ đắp con đường từ trong tỉnh ra ga. Công việc cho thầu làm, lấy đất ở cạnh đường để đắp.

Hôm vừa đây, trong khi cuốc đất ở một bên cái gò gần đấy, bọn phu đào chạm phải một vật cứng, bèn đào tránh ra sang chỗ khác.

Có người trong bọn cho là chỗ người Tàu để của. Đêm đến, họ đào, nhưng cũng không được. Đến ngày 10 mars, không dám tự chuyên nữa, họ mới trình nhà chuyên trách.

Nguyên cái gò này gọi là gò «Vầy Rồng» thuộc địa phận làng Hàm-giang, huyện Cẩm-giàng, tỉnh Hải-dương, vốn là cấm địa của làng, nên không ai được để mồ mả gì cả.

Nhà chuyên-trách được tin, cho phép đào chỗ đất lên, sâu xuống 2 thước tây, thấy một cái bề xây rất kiên-cố bằng gạch cổ và một thứ nữa rất tốt; chiều ngang bề ấy độ 4 thước tây, chiều dọc hơn ba thước, thành dày 50 phân tây, trên lấp bằng vôi tam hợp, ván và gạch. Nhưng lấp rất kỹ, cứ mỗi lớt vôi lại đến ván ghép và gạch. Đó đó là một ngôi cổ-mộ vì mở ngoài lần quách bằng gỗ ngọc-thì đến áo-quan, nước sơn son còn đỏ thắm.

Chúng tôi đã được chứng-kiến: khi lấy hết ván, vôi, thì bề chia làm ba khoang, mỗi khoang là một huyệt. Lấy tấm ván thiên dày 10 phân huyệt ở giữa lên, trong áo quan hãy còn cả đồ bồ khuyết như giấy bản, gạo rang. Đồ khâm liệm cũng còn cả: đại-liệm cũng bằng vải bông màu hồng, tiểu-liệm cũng bằng vải hãy còn tốt, sờ vào hãy còn giai. Các nút buộc giây tiểu-đái đều còn y-nguyên.

Mở hết đồ liệm đến thi-hài một vị quan lớn mặc đồ triều phục võ-ban, mớ ba, ngoài gấm, trong vóc, áo gấm màu huyết-rụ, trước ngực có bố-tử thêu con lân, chỉ kim tuyến hãy còn, ở giữa bụng có đai bằng da có khuyên bọc bạc.

Trên đầu, còn cả râu và tóc bạc, đội mũ lốc (bằng lan-tiêu?) có chỉ vàng, bông vàng, (kiểu mũ võ đời Lê), đằng gáy có hai cánh chuồn hình lá-vả cũng miến chỉ bạc.

Bên trên áo triều-phục còn thấy cái hốt bằng gỗ đà nứt, bọc bạc, dài độ 7, 8 phân tây (1).

Phía dưới hia và siêm đều nát cả.

Nhắc cả thi-hài lên, thấy ván dưới có lót giấy bản, trên ván dày lại có khắc hình thất-tinh (theo đây thì ra tục xưa, không những ở trên mặt ván thiên có hình thất-tinh, mà còn khắc cả ở trong nữa).

Mộ bên tay phải (có lẽ là mộ bà chính-thất?) khai hôm 12 mars, đã hơi nát, đại-liệm, tiểu-liệm không còn nguyên như mộ giữa.

Khi mở ra, trên ngực và bụng còn hai đạo bùa bằng giấy bản, gấp vuông, mở ra xem nét chữ hãy còn lờ mờ.

Thi-thể mặc áo mệnh-phụ mớ năm, ngoài gấm đỏ trong bằng vóc.

Mộ bên tay trái (mộ bà thứ-thất?) có nhiều nước, đã tiêu gần hết, nghe đâu chỉ còn ít xương, y-phục còn lại là một ít mảnh áo mệnh-phụ?) thêu hoa lá bằng kim-tuyến. Nhưng về bên tay phải người ta còn mò được năm cái khuy áo và hai cái hộp nhỏ, một hộp đựng giầu ở trong còn cả miếng cau, một hộp nữa nhỏ hơn (có lẽ là hộp thuốc lá?) và một cái quạt đã nát.

Sau khi tìm thấy ngôi mộ này, nhà chuyên-trách đã cho người canh gác, dân làng Hàm-giang và người trong họ Đinh đã nhận đấy là mộ ông Đinh-văn-Tả (2), danh tướng nhà Trịnh và hai vị phu-nhân.

Theo nhời người trong họ thời trong gia-phả vẫn ghi là lạc ngôi mộ tổ, một thuyết nữa thì cho là mộ tổ chôn ngay dưới cái miếu,

Thống chế Pétain đã nói:

« Sử xanh sẽ xét đoán bản chức vì ta nhận phần trách nhiệm nặng nhất. Nhưng dù là một chức viên rất nhỏ mà đã lĩnh một phần quyền hành tất phải gánh một phần trách-nhiệm ».

(miếu này thờ ông Đinh-Văn-Tả và hai phu-nhân, làm trên gò, cách chỗ huyệt đào độ 15, 20 thước tây, mộ để chân đạp vào miếu).

Hiện giờ, ông Đinh-văn-Tả là Thành-hoàng Đại-vương làng Hàm-giang có thờ trong đình làng và ở nhà thờ riêng của họ nữa.

Về tiểu-sử và hành trạng ông Đinh-văn-Tả (3), chúng tôi đã nói rõ, nay vì một sự tình-cờ tìm thấy ngôi mộ của ông, thật là một sự may-mắn vì là một dịp cho ta ôn lại trang lịch-sử hiển hách và công-nghiệp một viên danh tướng có công phù Lê, diệt Mạc, đã ghi những công đức ở Cao-bằng, Nghệ-an, hai nơi ông đã phụng mệnh đem binh dẹp loạn và làm trấn-thủ.

Duy có điều đáng tiếc là ngôi mộ viên danh tướng và hai phu-nhân ấy đã bị khai lên, rồi che chiếu đến 3, 4 hôm, ai ai qua lại cũng vào xem, bàn tán, tuy người làng có cắt phu canh, cắm tàn, lọng, nhưng lòng ngưỡng-mộ kính trọng danh-nhân vì thế có lẽ cũng giảm bớt đi chăng?

Chúng tôi mong rằng nhà chuyên trách, và nhất là trường Viễn-đông Bác-cổ sẽ cho phép xuất công quỹ ra xây lại ngôi mộ ấy, cùng sửa-sang lại ngôi miếu rồi giao cho họ Đinh trông nom để ghi công ơn một vị danh-nhân đã làm vẻ-vang cho tỉnh Hải-dương và cho cả dân-tộc Việt-Nam nữa (4).

TIỀN-ĐÀM

1) Người gác ngôi mộ lại cho biết ở bên cạnh thi-hài ông Đinh-văn-Tả có thanh kiếm, nhưng đến hôm mở ra thì kiếm ấy vụt bay đi mất (?). Sự dị-đoan ấy đã làm cho chúng tôi ngờ là có kẻ đã lấy đi chăng?

(2) Ông là người làng Hàm-giang, huyện Cẩm-giàng, tỉnh Hải-dương, có tài thao-lược đã phù Lê diệt Mạc.

(3) Tri-Tân số 75 ngày 10 decembre 1943, có lục đăng ở báo Tin-Mới số 994 ngày thứ ba 23 mars 1943 và số 995 ngày thứ tư 24 mars 1943.

(4) Chúng tôi vừa tiếp được thơ của ông Đinh-Gia-Tiêu là thừa kế Đại-vương Đinh-Văn Tả hẹn sẽ cho tài-liệu để khảo thêm về họ Đinh ở Hàm-giang. Chúng tôi lại sẽ có bài nói thêm về họ này.

Đã có bán

VƯỜN HỒNG

Giá 1 $ 10

Một tác phẩm danh tiếng khắp hoàn cầu của **SAADI** *— một thi sĩ lừng danh nhất nước Ba tư — do thi sĩ MỘNG HUYỀN dịch công dịch ra quốc văn.*

Còn một ít

BA MƯƠI NĂM VĂN HỌC (1 $ 35)

LUẬN TÙNG (1 $ 50)—TRIẾT HỌC EINSTEIN (2 $ 30) — NIETZSCHE (1 $ 95)

Nhà xuất bản **TÂN VIỆT** *đã dọn lại*

29, LAMBLOT — Hanoi

Những người Đông-Pháp có thể nói rằng: « Cái gì của Pháp, tức là của ta » mà không sợ trái với nền nếp cũ không sợ phải ruồng bỏ cái di ảnh tinh thần của ông cha.

Từ nay, chính-trị nước Pháp sẽ chỉ biết theo lẽ phải không thiên vị.

Sách mới

Tri-Tân đã nhận được:

1. — *Les fables de la Fontaine* (thơ ngụ-ngôn của ông La Fontaine) do ông Nguyễn-văn-Vĩnh dịch. Một bên chữ pháp, một bên tiếng nam. Sách này rất có ích cho các học-sinh. Mỗi trang, mỗi bài lại có mấy bức vẽ rất mỹ-thuật của nhà danh-họa Mạnh-Quỳnh.

Sách và bìa in rất đẹp, dầy 140 trang, giá 1 $ 00.

2. — *La Révolution nationale et la question économique d'aujourd'hui* của G. Ballard.

3. — Ba quyển « *Từ thư* », « *Giao-chỉ* », « *Sĩ* » của ông Lê-văn-Hòe trong loại Bách-khoa đại từ-điển do Quốc-học thư xã xuất bản. Mỗi quyển giá 0 $ 25.

Xin cảm ơn các nhà tặng sách và giới thiệu cùng bạn đọc. T. T.

ĐÃ CÓ BÁN

THI NHÂN VIỆT NAM (1932-1941)

của HOÀI-THANH và HOÀI-CHÂN

In lần thứ hai

HÌNH-ẢNH MỘT THỜI-ĐẠI ĐỘC NHẤT VÔ NHỊ TRONG THI-CA NƯỚC NHA

Hơn 400 trang — gần 40 bức ảnh — Bìa của họa sĩ **Nguyễn-đỗ Cung**

Giá bán: *Loại thường: 4 $ 25, loại bouffant hảo hạng: 7 $, loại vergé baroque crème: 20 $*

NGUYỄN ĐỨC PHIÊN xuất bản

Boîte postale 34 Huế

BUỔI VĂN CHƯƠNG VÀ ÂM NHẠC

CỦA TỔNG HỘI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC

PHẠM-MẠNH-PHAN thuật

Hồi 9 giờ sáng hôm chủ nhật 21-3-1943, tất cả Hà-thành tha thiết và cao quý đã sốt sắng đáp tiếng gọi thiết-tha của Tổng-hội sinh viên trường Đại-học Đông-dương mà tới dự rất đông buổi họp văn chương và âm nhạc do ủy-ban diễn-thuyết tổ chức.

Trong giảng đài, trông các khuôn mặt của các thanh niên tuấn tú tươi cười hớn hở, nhìn các khóe thu ba cười trong ánh sáng của các giai nhân kiều diễm ẩn mình trong những bộ y phục đượm vẻ diêm-dúa lộng-lẫy, người ta như thấy lộ ra vẻ hoan lạc của sông núi thiêng liêng trong cảnh trăm họ thái bình, người ta như lãng quên trong chốc lát cái vô-định của ngày mai...

Buổi đó, vẻ tôn nghiêm của trường Đại-học thường ngày đã nhường chỗ cho những tiếng nói ồn ào rộn-rịp.

Hàng nghìn thanh niên nam nữ đã sốt sắng chờ sẵn để đợi khai mạc buổi họp thanh-tao và đầy ý-nghĩa ấy.

Hàng ngàn trái tim đã cùng các sinh viên đập chung một điệu để mong hưởng những tiếng đàn say sưa chầm bổng.

***

Đúng giờ đã định, bạn Dương-đức-Hiền hội trưởng «Tổng hội sinh viên», đứng trước diễn đàn nghiêng mình chào quan khách, giữa các tiếng hoan-hô nổi dậy khắp buồng. Bằng những lời gọn gàng và [illegible] thép, bạn Hiền nói:

« Thưa cái ngài, người ta [illegible]hê thanh niên không tin-[illegible]ng, không suy nghĩ, người [illegible]n kết án thanh-niên hững [illegible]ới non sông đất nước.

« Anh em thanh-niên tân học chúng tôi buổi nay muốn cải chính những lời ấy mà thề rằng hết lòng tận tụy phụng sự quốc gia Nam-Việt...

« Lời hứa của chúng tôi, cùng tương lai và hy vọng của đời chúng tôi hòa nhập với sự thịnh suy của giống nòi. Chúng tôi mong hết thảy quốc dân ủng-hộ mà thẳng tiến trên con đường đầy ánh sáng ».

Dứt lời một tràng pháo vỗ tay nổi lên rầm rộ hoan nghênh. Bạn Hiền lui để nhường cho trưởng ban âm nhạc chỉ huy các sinh viên và các nhạc sĩ mà ca bài hát chính thức của trường Cao-đẳng: « *Tiếng gọi sinh viên* » do các bạn Phước Thiều và Tốt soạn.

Giọng hát của mấy nghìn thanh niên hòa nhịp với những tiếng tơ đồng khi bổng khi chìm đã vang động trong giảng đài làm cho các thính giả như nô nức, như phấn khởi.

Sau khi một sinh-viên khác đứng ra giới thiệu các ban của Tổng-hội, như ban thanh niên, thể dục, khánh tiết, vệ-sinh và tân y học, âm-nhạc, luật học và các ban khác, bạn Vũ-đình-Liên, sinh viên trường Luật, bắt đầu nói chuyện về lịch sử: nhan đề câu chuyện là « *Ngoảnh lại giang sơn* ».

Thoạt đầu bạn Liên giải thích một danh từ mới thịnh hành có thể cắt nghĩa nguyên-nhân cuộc chiến tranh hiện thời, là 2 chữ « espace vital » (khu vực sinh-tồn).

Rồi bạn nói đến ý nghĩa cuộc họp mặt buổi nay muốn cùng các thính-giả lần giở những trang lịch-sử oanh-liệt của tiền nhân mà trầm ngâm với quá-khứ, mà suy nghĩ tới tương-lai sao cho xứng với tiên tổ đã tốn công gìn giữ non sông gấm vóc.

Cái tang-chứng rõ rệt của dân tộc Việt-nam về quan niệm « khu vực sinh tồn » đã được diễn giả chứng thực bằng cuộc Nam tiến không ngừng của giống Lạc-hồng này trong bao thế kỷ.

Nào từ khi vua Lê-Đại-Hành (980-1005) sau khi phá được quân nhà Tống đem quân sang đánh Chiêm-thành bắt người lấy của.

Nào lúc vua Lý Thánh-Tôn (1054-1072) diệt Lâm-ấp khiến Chế-Củ bị bắt phải xin dâng ba châu Địa-lý, Ma-linh và Bố-chính để chuộc tội (1067).

Nào lúc vua Trần Anh-Tôn (1293-1314) nhận hai châu Ô và Lý của Chế Mân dâng làm lễ cưới Huyền Trân công-chúa (1307).

Với lúc Hồ Quý-Ly (1400) đánh bại vua Chiêm Thành là Ba-Đích bắt dâng Chiêm-động và Cổ-lũy. Lê Thánh-Tôn (1460-1497) đánh Trà-Toàn ở Đồ-bàn và Thi-nại (1470).

Cho tới lúc chúa Nguyễn Phúc-Chu đánh lấy đất Phan-rang và Phan Lý mới diệt hẳn Chiêm-thành sau 6 thế kỷ mà nhập vào bản đồ Nam-việt.

Nào công nghiệp nhà Nguyễn thôn tính Thủy Chân-lạp (1759) mà lập ra 6 tỉnh Nam-kỳ. Nào cuộc [illegible]ập bảo-hộ ở Cao-miên, nào việc [illegible]ông trấn thành Gia-định Lê-văn-[illegible]uyệt dùng hơn vạn hùng binh [illegible]1813) đưa vua Tiêm-la về nước.

— « Ngày nay, diễn giả kết luận, [illegible]ước Cao-miên và Việt-nam đã là [illegible]ước bạn, máu người Việt-nam đã [illegible]hảy trên đất Cao-miên để giữ Cao-[illegible]miên cho người Cao-miên (tiếng vỗ [illegible]ay khắp giảng đài).

« Việc là việc cũ, nhưng đã cũ [illegible]nên ai cũng cần phải nhớ, nay ta [illegible]ôn lại để nhắc nhở công nghiệp [illegible]người xưa đã từng tắm gội máu [illegible]kẻ thù, để ghi nhớ những chiến [illegible]công của các bậc đại anh hùng, [illegible]để khỏi quên những chiến sĩ đã [illegible]vui lòng hy-sinh tính mệnh cho [illegible]quốc gia mà đã từng đem máu [illegible]mình nhuộm đỏ những giòng sông [illegible]của đất nước hoặc đã từng chôn [illegible]vùi thân thế bên các sườn núi cheo [illegible]leo (tiếng vỗ tay hoan hô).

« Chúng ta tin ở tương lai rực-rỡ, tin ở vận mệnh quốc gia mà vui lòng hòa mục-đích đời sống của chúng ta vào đời sống của người đồng chủng ».

Sau cuộc nói truyện của bạn Vũ-đình-Liên đến cuộc hát và âm-nhạc: các bản đàn *Kinh cầu-nguyện*, *sông Bạch-đằng* và *ải Chi-lăng* với những điệu rất mới hùng hồn và oai nghiêm dễ quyến rũ các thính-giả.

Nhất là bản đàn *Chi-lăng* điểm thêm tiếng cồng đã được nhiệt liệt hoan nghênh. Khi nhè nhẹ người nghe tưởng chừng như thoảng thấy tiếng rền-rĩ của các oan hồn, lúc mau gấp như cảm thấy tiếng xô xát của gươm đao thuở trước nơi chiến địa.

Cuộc nói truyện thứ hai nhan đề « *Một khúc khải hoàn: Bình Ngô đại cáo* » do bạn Đặng-ngọc-Tốt sinh viên trường Thuốc nói.

Diễn giả đem bài đó mà Lê Lợi Bình-định-vương sai Nguyễn-Trãi làm sau khi dẹp được quân Minh, ra bình luận một cách kỹ càng qua hai phương diện lịch sử và văn chương.

Bạn Tốt nhường như đã có thói quen của diễn đàn nên với những giáng điệu tự nhiên và mau lẹ đã nói lưu loát trước mấy nghìn thính giả chăm chú ngồi nghe.

Với những lời gọn gàng và văn vẻ bạn đã lột được gần hết cái gì là tinh thần, là thiết-tha, là hùng tráng của bài đó, một áng văn chương bất hủ của kho văn học nước nhà.

Buổi họp văn chương và âm nhạc hôm đó đã hái được một kết quả hoàn-toàn đầy đủ và đã chấm hết vào khoảng quá 11 giờ sau khi các sinh viên tiễn biệt các thính giả bằng những lời ca rầm rộ và tươi sáng.

***

Ra về, tôi có một cảm tưởng hoan lạc về buổi họp tao nhã đó.

Trong hơn hai tiếng đồng hồ, tôi đã được cùng mấy nghìn thính-giả ôn lại cuộc Nam-tiến mãnh liệt của dân tộc ta khi trước, đã được nhắc-nhở lại những chiến công oanh-liệt của các bậc đại anh hùng nơi đất nước.

Ước tôi sao không khỏi hoài niệm tới những tiên-tổ chí-khí hiên-ngang đã từng nặng lòng hy-sinh thân thể cho giang sơn tổ quốc mà gìn giữ bờ cõi gấm vóc của giống nòi!

Nện gót giầy trên vỉa hè, tôi nhớ tới biết bao chiến sĩ vô danh khi trước đã từng hăm hở xả thân nơi chiến địa, đã từng đáp lại những tiếng gọi cao ca của sông núi trong những giờ phút nguy nan mà vui lòng nhắm mắt bên bờ nghĩa-vụ,

Buổi đó, cùng với mấy nghìn người ma trong huyết quan còn chảy chung giòng máu của tiên tổ giống Lạc-Hồng, tôi như cảm thấy bổn-phận thiêng-liêng của mọi người là phải vì công nghiệp người xưa đã từng ghi trong sử sách bằng những giòng chữ máu mà gắng công, tùy theo tài lực, lo tròn phận-sự làm dân một nước, sao cho tổ quốc ngày thêm phồn thịnh!

Tấm gương diệt-vong của nước Chiêm-thành đã làm tôi phải suy nghĩ đến bước khốn cùng nghiêng ngửa tan tành của một dân tộc yếu hèn không đủ sức chống đỡ những ngày tai biến.

Ôn lại bài học của lịch sử, phải chăng mấy ngàn người hôm đó cũng như tôi, đã không phải là những người vong bản: hồn các đấng Tiên-Tổ nếu có linh thiêng phảng phất trong giảng đài trường Đại học chắc cũng chứng giám tấm lòng kính mến của các phần tử tiên tiến của đất nước.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Triết-học thường thức II

TRIẾT LÝ TRẢI QUA CÁC THỜI-ĐẠI

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

Nói chuyện triết học bằng tiếng ta thật là một cái khổ, khổ vì thiếu chữ dùng, khổ nữa vì những chữ dùng chưa được ai định nghĩa rõ-rệt. Bởi vậy tuy kỳ trước trên mặt tờ Tri-Tân này chúng tôi tuy đã cố gắng phân tích hai chữ triết-lý thật minh bạch, mà vẫn chưa được yên tâm. Nay xin dẫn thêm vài thí dụ :

Nói « triết » là phán đoán về giá trị, nói « lý » là phán đoán về thực tại.

« Hai lần hai là bốn » : là một câu nói « lý ».

« Hai lần hai là bốn *thì đúng* » là một câu nói « triết ».

« Anh Hai đang cày » : là một nhời nhận xét « lý ».

« Anh Hai đang *khó nhọc* cày » : là một nhời phán đoán « triết ».

« Mùa xuân, cây cỏ nảy mầm » : là một câu nói « lý ».

« Mùa xuân, cây cỏ nảy mầm, *trông tươi đẹp* » : là một câu nói « triết ».

Người đời "triết" nhiều hơn "lý" : đó là một điều dĩ-nhiên. Vì những vấn-đề cần thiết hơn cả cho đời sống là những vấn-đề "triết".

***

Triết-lý thời xưa gánh một trách-nhiệm thực nặng-nề : chúng ta đã thấy rằng nó gồm có :

Triết :

Luận-lý học (logique) hay là khoa học dạy ta phân biệt thật giả ;

luân-lý học (morale) hay là khoa học dạy ta phân-biệt thiện ác ,

mỹ học (esthétique) hay là khoa học nghiên-cứu về cái đẹp.

Lý :

Vật-lý học (physique) hay là khoa học nghiên-cứu về nguyên-do của những sự vật ta cảm giác thấy ;

Huyền học (métaphysique) hay là khoa học nghiên-cứu về nguyên-do của những sự vật vượt ra ngoài phạm-vi các giác quan của chúng ta.

Trải qua các thời-đại, nội dung của triết-lý dần dần thay đổi, Phác qua cuộc thay đổi ấy là mục-đích của bài này.

***

Ta không nên quên rằng triết lý phát sinh ở Hy-lạp. Người Hy-lạp có một quan niệm đặc biệt về đời sống : họ cho rằng người ta phải sống cho thực đầy đủ : bởi vậy một triết nhân hy-lạp không những là một người thân thể cường tráng, mà còn là một nhà bác học uyên-thâm nữa. Platon viết trên cổng trường học ông rằng : « Kẻ nào không phải là một nhà kỷ-hà-học (géomètre) thì đừng vào đây ». Aristote để lại một số tác-phẩm rất lớn, nghiên-cứu về luân-lý, mỹ-thuật, luận-lý và cả về các khoa học thực-nghiệm nữa. Démocrite, một triết-nhân hi-lạp khác trong khi tìm tòi về nguyên-lý của vũ-trụ đã biết rằng mọi vật đều do những « nguyên-tử » (atome) họp thành : khoa-học ngày nay khiến ta nghĩ rằng thuyết ấy có nhiều điểm thật. Pythagore, một triết-nhân hi-lạp nữa, là một nhà số-học danh tiếng lẫy-lừng và những nguyên tắc ông đã tìm ra ngày nay vẫn được áp dụng.

Ta còn có thể kéo dài danh sách những « triết nhân học » hy-lạp được nữa. Nhưng một vài tên kể trên đây cũng đủ cho ta quyết rằng thời xưa « triết-lý » có một phạm-vi rất rộng và thâu gồm *tất cả* những điều hiểu biết của nhân-loại.

***

Người Hy-lạp nghĩ : muốn «triết» cho phải, cho thực, phải "lý" cho thông đã. Bởi vậy, những triết-nhân hy-lạp mới chúc trọng đến những khoa-học thực-nghiệm như vậy. Nhưng ta cần hiểu rằng thời xưa, trí óc người ta còn thô-sơ, và những điều hiểu biết của nhân loại còn ít-ỏi và hẹp-hòi. Vì thế, những triết-nhân mới dám nghiên-cứu về tất cả các khoa học. Nhưng dần-dà khoa-học phát triển rất mau. Hết thời-kỳ trung cổ (moyen âge) cả Âu-châu được biết một cuộc phục-hưng (renaissance) trong tư-tưởng. Lần lượt các nhà thông thái phát minh ra muôn ngàn điều mới lạ, và mở rộng thêm mãi phạm vi của tri-thức nhân loại. Các triết nhân cũng giúp rất nhiều vào công cuộc đó : Descartes của nước Pháp tìm ra giải tích kỷ-hà học (géométrie analytique). Pascal, cũng người Pháp, tìm ra cái-nhiên số học (calcul de-

probabilités). Leibniz người Đức đặt ra vi phân toán (calcul infinistesimal) đồng thời với Newton người Mỹ. Bacon người Anh, trong bộ *Novum Organum*, trình bày một phương-pháp mới để tìm chân lý: phương-pháp thực nghiệm nghĩa là phương-pháp hiện thời còn áp dụng trong khoa học.

Nhờ thế, mỗi khoa học nhỏ khi xưa, nay biến thành một khoa học có phạm-vi rộng rãi: vật lý học (physique) nguyên thủy, nay biến thành rất nhiều khoa học: điện học, lực học (mécanique), quang học (optique), hóa học (chimie) v... v... Mỗi khoa học đó vừa sâu vừa rộng vô cùng: một đời người cũng không đủ để nghiên-cứu về riêng hóa học, chẳng hạn.

Bởi vậy, ngày nay, các triết nhân không còn có ước vọng muốn biết lý do của tất cả mọi sự vật nữa. Triết học nhường phần tìm nguyên nhân của mọi hiện tượng cho khoa học, và chỉ giữ lại phần *phê bình* sự vật. Những triết nhân ngày nay không mấy khi còn nói chuyện « lý ».

***

Tuy nhiên, các triết nhân vẫn tự-phụ là còn một phần « lý » riêng thuộc về phạm vi của triết-học: ấy là lý-do của những sự vật vượt khỏi phạm-vi của giác quan chúng ta, ấy là phần mà huyền học tìm cách nghiên-cứu.

Các triết nhân cổ điển thâu gồm những vấn-đề chính của huyền học còn lại có:

1°) Vấn đề tìm biết *bản thể* của sự-vật: khoa chỉ nghiên cứu về những hiện-tượng (phénomène), nghĩa là những sự vật theo bề ngoài đó có một bản thể. Bản thể đó ra sao?

2°) Vấn đề *nguyên nhân đầu tiên* của sự vật: một sự việc gì xảy ra là do một nguyên nhân nào đó. Nguyên nhân đó lại là kết quả của một nguyên nhân khác. Cứ như thế mãi, bắt buộc ta phải tìm tới nguyên nhân đầu tiên đã tạo ra những nguyên nhân khác. Nguyên nhân đầu tiên ấy là gì?

3°) Vấn đề *mục đích cuối cùng* của sự vật: mỗi sự việc gì xảy ra đều dẫn đến một mục đích nào đó. Tất cả những sự biến đổi của vũ-trụ dẫn đến đâu? Mục đích cuối cùng của sự vật là gì?

Mỗi vấn đề lớn đó thâu gồm nhiều vấn đề nhỏ khác. Ta sẽ có dịp xét đến từng vấn đề đó một.

Trải qua các thời đại, người ta cãi nhau đã nhiều về bản thể, về nguyên nhân, và mục đích của sự vật, mà vẫn chưa tìm được một nhời giải chắc chắn. Đến thế-kỷ thứ 19, một triết nhân Đức, ông *Kant*, bỗng đặt thêm một câu hỏi mới:

« *Những vấn-đề mà huyền học tìm cách giải quyết ấy có phải là những vấn-đề mà trí-óc loài người có thể giải quyết nổi không?* ».

hay nói một cách khác:

Trí óc người ta có thể biết được bản thể, nguyên nhân tối sơ mục-đích cuối cùng của sự vật không?

Câu hỏi đó nay có lẽ là câu hỏi quan trọng nhất của huyền học. Ta nên nhận rằng trả lời câu hỏi của Kant, là « phê bình » cái biết của trí óc chúng ta, là tìm xem trí óc chúng ta « đáng giá bao nhiêu », là nói truyện « triết »: bởi vậy vấn đề đó người ta còn gọi là vấn-đề bình luận (problème critique), mà ngay cả trong phạm-vi của huyền học, triết lý cũng bỏ phần « lý » mà chỉ giữ lại phần « triết ».

Kỳ sau ta sẽ trở lại với vấn-đề bình luận này kỹ càng hơn.

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

Một kỳ sau:

Vấn - đề bình - luận

Nước Việt - Nam ta sau này hay, dở là ở chữ quốc-ngữ » (Nguyễn - văn - Vĩnh). Vậy ta phải giúp Hội Truyền Bá Quốc-Ngữ để chóng đạt tới mục-đích của hội.

VĂN-LIỆU TỪ ĐIỂN

Những thành-ngữ và từ-ngữ của ta trong các thơ văn xếp đặt lại thành một pho từ điển, *rất tiện cho sự tra cứu trong khi đọc sách và nhất là cho các học-sinh học khoa quốc-văn trong các trường.*

của Long-Điền NGUYỄN VĂN MINH

Tựa của Cụ Đốc Ôn-Như NGUYỄN VĂN NGỌC

Sách khổ rộng 16 × 25 ngót 400 trang

Giá bán lẻ . . . . . 5$00

Vị nào gửi tiền đặt mua trước ngày 1er Mai 1943, xin biếu 10 %. cước phí không phải chịu.

Những giáo-sư các trường công tư, đặt tiền mua trước từ 10 quyển trở lên xin biếu 20 %. cước phí không phải chịu.

Thư và ngân phiếu xin gửi và đề rõ:

Ô. Quảng-vạn-Thành { *16, Phố Lê Lợi HANOI*
51, Doumer HAIPHONG

QUYỂN THI-VĂN BÌNH-CHÚ

Số 1

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

HIỆU Tân-dân mới xuất-bản một quyển sách đề là *Thi-van bình-chú, cuốn thứ hai : Nguyễn-sơ, cận-kim (the-ky thứ XIX)*. Tác giả là ông Ngo-tat-To

Cuốn này cũng như cuốn thứ nhất (sau này sẽ nói) chép từng nhà văn-hào một : trên thì lược-sử và sao-lục một vài bài van thơ, dưới thì có những bài tham-khảo, dẫn-giải, chú-thích và phê-bình. Giá xếp gọn lại, thì nên bỏ bớt một hai mục : như mục tham-khảo, chính nghĩa là tra-xét và so-sánh thế mà chỉ thấy chép mấy câu phỏng-đoán (xem trang 17, trang 50, v. v.) ; những câu ấy có thể chua làm chữ nhỏ, không cần đặt ra một mục riêng. Mục dẫn-giải thì lại viết ra nhiều lối : bài thứ nhất nói về *Chiêu hồn ca* thì chia ra từng đoạn : « từ câu thứ nhất đến câu : « Giải oan cứu khổ cùng về Tây-phương » là đoạn đầu, vừa tả cảnh vừa vào đề ; từ câu « Cũng có kẻ tính đường yêu-hãnh » đến câu « Mà cô-hồn biết bao giờ cho tan » là đoạn thứ hai, nói về những bậc anh-hùng có gan tranh bá đồ vương, chẳng may thất bại mà chết », v. v. Những câu ấy có thể chia ngay ra ở trong nguyên văn bài *Chiêu hồn*, làm đầu bài con con : người xem dễ hiểu, mà người làm sách không phải in lại những câu thơ ấy một lần nữa.

Đến bài dẫn-giải cho bài *Cảnh-tiêu* ở trang 37, thì lẫn cả lối phê-bình, mà bài phê-bình thì lẫn cả lối dẫn-giải. Xem ra không có phương-pháp gì cả : chỗ thì dẫn-giải chú-thích, chỗ thì « chú dẫn » « giải-thích ». (trang 109), bài thì có, bài thì không. Mà nào có xác-đáng rõ-ràng ! chữ thì thiếu nghĩa, chữ thì chép sai. Tôi theo lần lượt từng bài kể những chỗ hệ trọng ra sau đây.

I. — Nguyễn Du

Cụ Nguyễn-Nghiễm sinh ra cụ Nguyễn Du không nên gọi tắt là « một viên Tham-tụng đời vua Cảnh-hưng nhà Lê » (trang 7 quyển *Bình-chú*). Bộ *Lịch triều Đăng khoa bị khảo* (sách viết bằng chữ nho của Trường Bác cổ, số A 485, quyển Nghệ-an, tờ 13 b-15b) chép cụ Nguyễn-Nghiễm « mới lên triều ban, tham dự việc binh nhung, hiệp đồng tán lý, thường có công. Đến năm tân dậu (1741) là năm thứ hai hiệu Cảnh-hưng đời vua Lê Hiển-tôn, cụ Nguyễn Nghiễm 34 tuổi, có công được thăng tham chính Sơn nam, rồi đổi sang chức tế-tửu ; đến năm quí-hợi (1743) cụ thăng Hàn-lâm thừa chỉ Xuân lĩnh bá... Năm tân tị (1761) thăng Công-bộ thượng thư, nhập thị tham-tụng. Bấy giờ, cụ mới 54 ... Đến năm giáp-thân (1764) cụ thăng Thiếu bảo ; năm đinh-hợi (1767) Thịnh-vương thân-chính (Trịnh Sâm) thăng Thái tử Thiếu-bảo tiến tước Xuân quận-công, gia chức Đại tư-không. Đến năm tân mão (1771), cụ 64 tuổi, xin trí sĩ, đặc cách thăng Đại tư đồ, chuẩn cho trí sĩ, được rước vinh quy về làng. Ở nhà được ba tháng, vua lại triệu ra làm tướng, thăng Hộ-bộ thượng-thư. Đến năm giáp-ngọ (1774) đi đánh phía Nam, vua ban chức Tả tướng-quân Thuận-hóa đạo Tham-tán quân cơ, coi đình Trung-tiệp, rồi mất. »

Ở trang 9 quyển *Bình chú*, ông Ngô Tất-Tố nói cụ Nguyễn-Du « thêm vào *Đoạn trường tân thành* một đoạn « tái hồi Kim-Trọng » là đoạn mà ở Phong-tình cổ-lục (?) không có, để tỏ ý không quên nhà Lê ». Vẫn hay rằng ông Ngô Tất-Tố đã nói đón một câu : « Thuyết đó tuy không có bằng chứng đích-xác... » nhưng việc người làm sách là phải có sức sưu-tầm cho đến nguồn gốc ; nếu cứ bằng ở thuyết này thuyết khác, thì không ích gì cho độc-giả.

ĐÃ CÓ BÁN

Một quyển sách mà ai ai cũng nên đọc, dầu là người mạnh, người phổi yếu, người bị lao.

BỊNH HO LAO

những phương pháp ngừa lao, săn sóc người phổi yếu và tiếp dưỡng người bị lao
Giá 4$00

của **Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN**

TỔNG PHÁT HÀNH :

Hànội : *Hiệu sách Đông-Tây 195 Hàng Bông*
Huế : *Hiệu sách Văn Hòa 29 Maréchal Petain*
Saigon : *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm, 12 Rue Sabourbin.*

Có in ít bản giấy đẹp hảo hạng. Xin hỏi nơi Ông Nguyễn Khánh Đàm.

Chính trong quyển *Kiều* chữ nho của Thanh-tâm tài-nhân (sách viết của Trường Bác-cổ, số A 953, quyển 4, tờ 35 a — 53 b) đã chép đoạn tái hợp như sau này : « Khi Thúy-Kiều nhảy xuống sông Tiền-đường, có hai người thuyền-chài của sư Giác duyên đã trực sẵn để cứu lên, thay hết cả quần áo ướt. Thúy-Kiều còn nằm mê man ở trong thuyền, mơ màng thấy Đạm-Tiên đến, nói rằng : « Em chờ chị đã lâu. Chị vì bán mình cứu cha, lòng hiếu cảm động đến Trời ; khuyên Từ-Hải qui thuận để cứu dân sinh, lòng trung thấu đến mặt trời. Cái cảnh khổ về trước đã hết sạch rồi : từ nay trở đi phúc lộc vẹn toàn, tình duyên như ý ; hội Đoạn-trường hôm nọ đã xóa tên, thơ Đoạn-trường nay xin trả lại. » Nói rồi, cầm những bài thơ của Thúy-Kiều viết ngày xưa đưa trả. Thúy-Kiều toan hỏi, chợt nghe bên tai có người gọi : « Diệu-tuyền ! » thì Thúy-Kiều, tỉnh dậy chỉ thấy Giác-duyên ngồi bên cạnh... » Trong khi cả nhà mở tiệc vui mừng, Thúy-Vân có nhắc đến tình xưa nghĩa cũ, thì Thúy-Kiều nhất định từ chối, nhưng cả nhà khuyên giải mãi, nên Thúy-Kiều có câu rằng : « Về việc hoa trúc động phòng thì không dám trái, việc hầu chăn gối, nhất nhất vâng theo, còn đến việc mây mưa Vu-sơn thì thiếp đã là người lang tạ, nếu như hoa hải đường mới thử, thì xỉ-nhục cho thiếp lắm, thiếp nhất quyết không theo ! » Kim-Trọng mừng nói rằng : « Đã vui hoa trúc, lại cùng gối chan, thế là sở nguyện của ta đầy đủ, ta có dám cầu gì nhiều đâu !... »

Xem như thế thì đoạn Thúy-Kiều tái hồi với Kim-Trọng mà cụ Nguyễn-Du diễn ra truyện nôm, chính là trong quyển *Kiều* của Tàu đã có sẵn, chứ không phải tự cụ Nguyễn-Du đặt thêm ra.

Lược sử thì nhằm như thế ; đến việc chú thích thì chỉ cắt nghĩa chữ một như lối tự vị, chứ không giảng nghĩa rõ chữ ấy vào câu ấy là nghĩa thế nào. Như hai chữ « u-minh » chú thích là « mờ tối » thì có hợp với câu «Có khôn thiêng, phảng phất u-minh » ? hay là chữ minh là sáng vì đầu bài là *Chiêu hồn*, thì câu ấy có lẽ cắt nghĩa là « hồn có khôn thiêng từ âm phủ phảng-phất lên dương gian ».

Chữ « xất phu » chú thích là « người dân hèn như nói bố cu bố đĩ », thì thừa chữ « hèn » : chính nghĩa chỉ là « thứ dân », cũng như « bình dân » bây giờ.

Chữ « thập loại chúng sinh » chú thích là « mười loài chúng sinh » thì tóm tắt quá. Chính ra là « thập nhị loại-sinh » : Bộ *Đại tạng kinh* (quyển *Đại-minh tam tạng pháp số*, thứ 44, tập chữ Lộ, tờ 100 b) cắt nghĩa là « các loài hữu tình do cái vọng-tưởng điên-đảo, sinh ra mê hoặc, tạo thành nghiệp-chướng, cùng nghiệp chướng ấy rồi cảm-thành quả báo, cho nên có mười hai loài. 1 là noãn-sinh ở trong cái vỏ sinh ra, như cá, chim, rùa-rùa, rắn ; 2 là thai-sinh, từ chỗ bào thai sinh ra, như loài người, giống thú ; 3 là thấp sinh, từ chỗ thấp-khí sinh ra, như loài sâu ; 4 là hóa-sinh, bỏ cái hình cũ mà đổi hình mới, như loài lột xác bay đi ; 5 là hữu sắc có hình rõ rệt, như ngôi sao ; 6 là vô-sắc, như loài không tan tiêu trầm ; 7 là hữu tưởng, từ chỗ tưởng tượng sinh ra, như thần quỉ linh thiêng ; 8 là vô tưởng như loài thổ, mộc, kim, thạch ; 9 là phi-hữu sắc, như loài thủy-mẫu lấy tôm làm mắt ; 10 là phi-vô sắc, nhân tiếng gọi mà thành hình, như những loài theo tiếng chú chớ mà áp sinh ra ; 11 là phi hữu tưởng, nghĩa là mượn thân khác để thành ra ; 12 là phi-vô tưởng, nghĩa là dẫu thân thiết mà thành ra oán hại, như con cú đất ôm cục đất thành con, chim phá kinh ôm quả có chất độc mà thành con : hai giống ấy, con lớn lên ăn thịt bố mẹ. »

Đến chữ nho ông Ngô Tất-Tố dịch cũng thiếu. Bài thơ của Cô-Huống có câu « Ngọc châm vị thành trung ương triết » dịch là « châm ngọc chưa thành đã gẫy rồi », thì thiếu nghĩa chữ « trung ương » là đoạn giữa. Câu « Ngân bình vị thượng ti-thằng tuyệt » dịch là « bình bạc chưa lên, dây đứt rồi », thì thiếu nghĩa chữ ti là tơ. Chữ « siêu sinh tịnh độ » chưa là « cõi đất sạch sẽ » thì thiếu nghĩa « trang nghiêm ». Tự vị Tàu *Từ nguyên*, quyển tị, trang 106) chép « thế giới của Phật và Bồ tát ở, tên là tịnh thổ (đọc là tịnh-đỗ hoặc tịnh-độ cũng được), nghĩa là trang-nghiêm trong sạch (trang-nhiêm hiệu-khiết ». Vân vân.

(Còn nữa)

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Giá báo

Mỗi số	0 $ 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi
Mua báo xin gửi tiền trước

NHƠN ĐỌC

« THI VĂN BÌNH CHÚ »

của NGÔ-TẤT-TỐ

Bài đường luật :
« Non nước tan tành hệ bởi đâu ? »
phải chăng của cụ Phan-thanh-Giản ?

TRỰC-THẦN viết

VIỆC đầu tiên khi lật *Thi văn bình chú* quyển II của *Ngô-tất-Tố*, là đọc chăm-chỉ phần nói về cụ *Phan thanh Giản*. Tôi là một người Nam-kỳ, sự nhắc nhỏ ấy của ông Tất-Tố khiến tôi rất cảm-động.

Tác-giả trích ba bài thơ của cụ *Phan :* ngoài bài « *ký nội* » (1) mà ai cũng biết, có hai bài « *tuyệt mệnh* ». Chính 2 bài thơ ấy đã khiến tôi hoài nghi và có những dòng nầy xin góp một vài ý kiến.

Hai bài *tuyệt mệnh* ấy được chép lại như vầy :

I

Trời thời, đất lợi, lại người hòa.
Há dễ ngồi coi ? Phải nói ra !
Lăm trả ơn vua, đền nợ nước,
Đành cam gánh nặng, ruổi đường xa.
Lên ghềnh, xuống thác, thương con trẻ,
Vượt biển, trèo non, cám phận già.
Cũng tưởng một lời yên bốn cõi.
Nào hay ba tỉnh lại trần ba !

II

Việc nước tan-tành, hệ bởi đâu?
Ngùi ngùi nhớ đến (?) cõi ngao châu.
Ba triều công cán, đôi hàng sớ,
Sáu tỉnh cương-trường (?) một gánh thâu,
Trạm Bắc ngày chờ (?), tin điệp vắng,
Thành Nam đêm quạnh, tiếng quyên sầu.
Minh-tinh chín chữ, lòng son tạc,
Trời đất từ đây mịt (?) gió thu.
(tr. 126, 127)

Bài trên, tuy chưa có dịp xem qua mà tìm ở trong *Việt âm văn uyển* của Lê-Sum và *Quốc âm thi hiệp tuyển* của Lê quang-Chiểu cũng không thấy, nhưng tôi có thể tin được rằng tác-giả của nó là cụ *Phan thanh-Giản*. Ý thơ phảng phất tâm-sự cụ và nhắc ta nhớ lại cái cảnh đi sứ cầu hòa và xin chuộc lại ba tỉnh miền đông.

Nhưng bài dưới thì tôi nhứt định là chẳng phải của cụ *Phan*.

Chẳng những trong *Thi-văn bình chú* ông Ngô-tất-Tố nhận bài ấy của *Phan-thanh-Giản*, trong quyển *Việt âm văn uyển* (tr. 43) ông Lê-Sum cũng chép là bài « *cảm tác* » của *Phan* Kinh-lược. Cái lầm ấy có lẽ vì bài thơ nói trên tả hết cái cảnh-ngộ thời bấy giờ, cho nên vài bản khác cũng thấy chép như thế.

Song trong Đại-Việt số 1, nhơn nói đến « *Lời trối của cụ Phan thanh Giản* », ông *Lê thọ-Xuân* có nhắc lại hai câu chót :

Minh sanh chín chữ lòng son tạc
Trời đất từ đây mặc gió thu.

và nhìn nhận rằng hai câu nầy trong bài thơ « *Điếu Phan thanh-Giản* » của cụ *Nguyễn-đình-Chiểu*.

Trong *nỗi lòng Đồ Chiểu* phần trích lục văn phẩm của cụ ông Phan văn Hùm chép theo lời của ông *Nguyễn-đình-Chiêm* (là người con của cụ Đồ sống lại sau hơn hết) bài thơ trên và một bài Đường-luật hán văn, dưới cái tựa " *Điếu Phan-thanh-Giản* " :

Non nước tan-tành hệ bởi đâu ?
Dàu dàu mây bạc cõi Ngao-châu (2)
Ba triều công cán vài hàng sớ,
Sáu tỉnh cương thường một gánh thâu.
Trạm bắc ngày chiều tin điệp vắng,
Thành Nam đêm quạnh tiếng quyên sầu.
Minh-sanh chín chữ lòng son tạc,
Trời đất từ đây mặc gió thu.

***

Lịch sĩ tam triều độc khiết thân,
Vi quân nan bảo nhứt phương dân,
Long-hồ ninh-phụ thơ sanh lão,

Phụng-các không qui học-sĩ thần.
Bỉnh-tiết tằng lao, Sanh Phú-Bật
Tận trung hà hận tử trương Tuần.
Hữu thiên ! Lục tỉnh tồn vong sự,
An đắc thung-dung tựu nghĩa thần.

Với bài nầy, tôi chỉ xin xem xét qua coi 8 câu « *Non nước tan tành...* » có phải của cụ *Phan thanh-Giản* không.

***

Ngày 21 Juin 1863 một sứ bộ Nam-triều vào Saigon hiệp với đại biểu chánh phủ Pháp để cùng xuống chiến thuyền Européen sang Pháp cầu hòa (3). Cụ *Phan*, Hiệp biện đại học sĩ, ra đi, vì vua, vì nước, hai vai mang nặng gánh giang sơn.

Phen này miễn đặng hòa hai nước,
Nỗi tớ xin đừng bận-bịu chi.

Một người đã biết hy-sinh cả thân-thế cho một lý-tưởng cao-siêu, đã tự hiểu « *ơn nước nợ trai đành nỗi bận* » (4), một người đã biết thương dân, biết cầm chén thuốc độc tự tận để mong mỏi có một điều là tránh cảnh núi thây, sông máu, người ấy không lẽ trước cái phút tự mình làm lấy cái chết cho mình, lại có thể buông một câu yếu-ớt :

Dàu dàu mây bạc cõi Ngao-châu ?

Ngao-châu là Bãi Ngao, chỗ cụ *Phan* ở. Câu thơ trên chỉ rõ cái cảm tình lai-láng, nồng hận của tác-giả đối với kẻ « *cỡi mây tràng lên đến chỗ Thiên-đế ngự* » (5). Nó là lời than của một người rất mến tiếc đấng anh-hùng khuất bóng, mà cái thác oanh-liệt khiến ai cũng ngậm-ngùi. Thốt ra từ cửa miệng một người khóc bạn, khóc kẻ đồng thời, hay khóc cổ nhơn, câu « *dàu dàu mây bạc cõi Ngao-châu* » hàm-súc một ý-nghĩa quyến-luyến, tiếc nhớ đậm-đà, một cảm tình thấm-thía. Nó là một câu tuyệt-diệu để tả cái cảnh mây ảm-đạm giang sầu cả một góc trời cùng chia nỗi buồn tang-tóc. Nhưng, thốt tự một người sắp lâm chung để làm câu tuyệt-mạng, nó lại chứa đựng một ý-nghĩ vị kỷ, ái kỷ xâu-xa, tọ-giác một tâm hồn thấp kém, khiếp-nhược. Không lý một người biết nghĩa quan, biết nợ dân như cụ Phan, biết tự tìm lấy cái chết cao sạch, lại bỗng nhiên có cái tâm lý hèn-hạ ấy sao ?

***

Quả-quyết hơn, đó là câu thơ khóc *một kẻ chết rồi* (xem lời giải cuối bài) chớ không là lời trối của kẻ sắp lâm chung !

« *Non nước tan tành hệ bởi đâu ?* » không phải là một câu hỏi ngạc nhiên của một người ngớ ngẩn, cũng không phải lời cay đắng của kẻ hiểu rành từng chi-tiết cỏn-con. Mà đó là lời hỏi mỉa-mai, chua chát, thầm tủi của một người mà « *việc đời thà khuất đôi tròng mắt* », mà cái tánh ẩn nhẫn, cái chí duy nhứt, cái ý cương-quyết phải như của cụ đồ mù, Nguyễn-đình-Chiểu !

Cụ *Phan* kinh-lược hẳn không để lại làm câu tuyệt mạng hai câu thơ vừa bàn giải trên đây. Và chắc-chắn hơn nữa, cụ không lẽ mở miệng buông lỡng lời than :

« *Ba triều công cán đôi hàng sớ !* »

Cụ chu biết phận làm nhân thần, lẽ đâu lại oan trách sự bất công mà cụ chịu ? Cả đời làm quan trải ba triều vua, công cán chu cho đôi hàng sớ ? Không đâu ! khi cụ cầm chén thuốc độc, cụ hãy còn là một Kinh-lược sứ ba tỉnh miền Tây ! Sau khi cụ thác, tên cụ mới bị đục bỏ khỏi bia Tiến-sĩ, quan chức cụ mới bị cách. Và chu khi cụ thác rồi người sống sau cụ mới biết được " *Ba triều công cán đôi hàng sớ* ". Vả lại, một người chỉ muốn lúc thác rồi thiên-hạ biết mình là một kẻ *học sanh giả họ Phan* thôi, thì lẽ đâu lại thở than đầy ý trách móc ngậm-ngùi ?

Sau rốt, quả quyết rằng không phải cụ *Phan* viết được :

« *Minh tinh chín chữ lòng son lạc !* »

Về câu này, ông Ngô-tất Tố chú dẫn rằng trước khi tự-tận, tác-giả (trỏ cụ Phan thanh Giản) tự tay viết sẵn *chín* chữ *Hai nhai lão thư sinh chi cữu* để làm lòng minh-tinh... , nhưng ông chép lại có bảy (*Hải nhai lão thư sinh chi cữu*) (tr. 128). Chín chữ ấy là :

« *Hải nhai lão thơ-sanh tánh Phan chi cữu* ».

Theo ông *Lê Thọ Xuân* đã tìm được tài-liệu mảnh hoa tiền do cụ *Phan thanh-Giản* viết trối dặn để vào lòng triện và mộ bia, và theo ông tính hợp với phép để triệu phải đánh bốn chữ « Quỷ, Khốc, Linh, Thính » (6) thì cái lòng minh-tinh ấy gồm đủ 11 chữ là : *Đại-Nam-Hai nhai lão thơ sanh tánh Phan chi cữu.*

(Xem tiếp trang 23)

Nói chuyện tại hội Trí-Tri Hà-nội và Nam-định

TÌNH TRẠNG NỀN HỌC XƯA VÀ CHÍ HƯỚNG NGƯỜI HỌC TRÒ XƯA

Số 5

Nhật-nham TRỊNH-NHƯ-TẤU

KHÔNG phải chỉ riêng đông-phương ta mới có các danh-nhân đã từng chịu hi-sinh để học cho thành tài.

Tây-phương cũng không thiếu những gương nhẫn-nại.

1·) Ông Drouot, sinh tại Nancy năm 1774, là con một người làm bánh tây.

Mới ba tuổi đã đến gõ cửa trường thày giòng xin học, nhưng vì non tuổi quá, nhà trường không nhận. Sau vì thấy ông khóc sướt-mướt, nhà trường cũng phải nhận cho ông vào học.

Mỗi khi đi học về đến nhà, ông phải đưa bánh đến cho các khách hàng và phải ứng-chực trong một gian nhà lúc nào cũng đông người lui tới, câu nói tiếng cười làm ngan-trở cả sự học.

Buổi tối, theo chính-sách tiết-kiệm, trong nhà tắt đèn sớm, ông Drouot gặp được đêm có trăng, nhờ ánh sáng mặt trăng, còn có thể thức khuya mà học. nhưng đã mấy đêm có trăng sao vằng vặc: Vì vậy sáng nào ông cũng giậy sớm từ hai giờ, đem sách lại gần cửa lò bánh, chiếu anh sáng than hồng đát mặt, để đọc sách, học bài.

Mùa hè năm 1793, ông La Place, một nhà thiên-văn-học và toán-pháp-học nước Pháp, đại-diện chính-phủ, mở khoa thi tại Châlons-sur-Marne để tuyển 180 viên hạ-sĩ-quan. Ông Drouot cũng tới dự-thi. Với cái bề ngoài mộc-mạc và quê-kịch của ông, mọi người đều cười rộ mà chính ông chủ-khảo cũng tưởng ông Drouot vào nhầm trường ốc. Sau biết đích ông đến thi, ông chủ-khảo cho phép ngồi. Các thí-sinh đều nóng lòng chờ đợi để đến lượt ông Drouot. Đến lượt ông Drouot mới mấy câu đầu, ông La Place đã phải ngạc-nhiên với cái thông-minh của ông, rồi dần dần hỏi thử ra ngoài trương-trình, hỏi đến đâu, ông đều ứng-đối như lưu. Ông La Place rất cảm-động, hôn ông Drouot và tuyên-bố ông đỗ thủ-khoa. Cả trường thi đều đứng giậy theo con một người làm bánh tây ở Nancy vào trong tỉnh, tỏ ý hoan-nghênh nhiệt-liệt.

Sau ông Drouot làm Đại-Tướng dưới triều vua Nã-Phá-Luân.

Mà xuất-thân chỉ là con một người làm bánh tây nghèo khổ!

2·) Ông Michelet lúc bé cũng phải chịu nhiều điều cơ-cực. Ông thân-sinh trước làm chủ nhà in, sau nhà in bị đóng cửa theo lệnh Hoàng-đế Nã-Phá-Luân. Gia-sản dần dần khánh-kiệt, thân-mẫu ông có bữa nay lại lo bữa mai, nỗi cơ-cực cứ luôn luôn xuất-hiện để phủ một màn bi-thảm trong gia-đình ông.

Nam ông lên 16 tuổi, thân-mẫu ông ốm nặng, rồi năm sau từ-trần. Phương độ nhớn, cần phải bổ-dưỡng, mà thường thường đi học phải nhịn đói. Nhờ có tổ-mẫu ông chu-cấp, nên ông cũng đỡ đói lòng.

Nhưng nào có đói không, lại còn rét, quần áo không đủ mặc. Tuy rét mà thường-nhật, ông cũng giậy sớm để học cho quên nỗi dao hàn cắt thân.

Nhờ chí quả-quyết, nhẫn-nại như thế, mà sau này ông Michelet trở nên một nhà đại-văn-hào nước Pháp, danh-tiếng nghìn-thu.

Ấy học-trò xưa dù Nam, dù Bắc dù Đông, dù Tây, khổ-tâm đèn sách, cần-lao, nhẫn-nại, mà đều làm nên đại-nghiệp.

Lúc còn là hàn-sĩ, lưng cơm hầm, bát canh suông, ngồi chõng tre, nằm ổ rạ, tự mình đã lấy làm nhân-sinh lạc-địa, đến khi tranh được khôi, đoạt được giáp, lại chính là những tay phụ-thế trạch-dân, hưng-bang kiến-quốc, di-phong dịch-tục, phù-thực cương thường, duy-trì thế-giáo, đào-tạo nhân tài, dìu-dắt hậu-tiến!

Sạch mình giữ tiết, nói thẳng trừ gian, cái tiết-tháo của kẻ sĩ còn rõ ràng trong sử sách. Gặp lúc vận nước gian-nan, việc đời khốn-khó, chính-hình điên-đảo, phong-tục suy-đồi, cai công-nghiệp phù nguy, định loạn, cứu-thế, độ dân của người xưa không phải là nhỏ vậy!

Lại chính tiền-nhân ta đã lấy cao-phong thanh-tháo khích-lệ lòng người, lấy ngôn-luận văn-

chương phù-trì danh-giáo, kiến-thiết thành một nước có nền-tảng vững vàng, đủ mở mặt với năm châu.

« Tiến vi quan, đạt vi sư », nhiều vị sau khi danh chiếm bảng vàng, ngồi nhà mở trường dạy học. Lại ngoài những bậc danh-thần, hiền-tướng có sự-nghiệp oanh-liệt và có danh-vọng lẫy-lừng. trong nho-lưu còn nhiều người học-thức uyên-thâm, khí-tiết cao-thượng, ẩn-dật chốn lâm-tuyền, không chịu ra ứng-dụng với đời.

Xem như thế thì cái học xưa không phải là cái học từ-chương, chỉ chú-trọng về mặt khoa-cử để đem học-giả vào đường danh-lợi mà những quên bổn-phận làm người.

Cái nghề đai-cân võng lọng vốn không phải là cái bão-phụ bình-sinh của phần đông nho-sĩ để được vinh thân, phì gia mà trái lại cái chí-nguyện bản lai lại là cái chí-nguyện lập đức, lập ngôn, giúp đời giúp, nước.

Cho nên từ khi lập nước đến giờ, đời đời nhân-tài bối xuất, người trung-nghĩa, hiền-lương, kẻ văn-chương đạo-đức, có tài-cán, có tiết-tháo đủ làm vẻ vang cho nòi giống, không phụ cái tiếng là dân một nước văn-hiến.

Người xưa đi học là cốt gây lấy cái nhân cách cho được tự quý, tự cao, còn cái cảnh-ngộ bề ngoài thì được phận nào hay phận ấy. Lúc nào cũng lo sửa mình và làm những điều nhân, nghĩa, trí, dũng trung-hiếu để trọn cái danh-nghĩa làm người ở đời, để cùng thiên-hạ mà sinh tồn, mà ganh đua và sây đắp thêm một vài viên đá vào cái nền-tảng chung của nhân-loại.

Người xưa cho sự học là sự rất cần để tạo nên người hay. Cho nên nói rằng: Người ta đối với văn-học cũng như hòn ngọc đối với sự mài rũa vậy.

Học để biết, biết để làm, chứ không phải học cho biết, để lấy cái biết của mình mà lừa dối thiên-hạ, rồi chính mình lại không làm những điều mình biết. Thanh-nhân cho sự biết với sự làm là một, nghĩa là biết mà làm được mới thực là biết, nếu biết mà không làm được thì sự biết ấy không phải thực là biết.

Ấy cũng nhờ sự học có mục-đích thiêng-liêng như thế mà người xưa gây thành cái tâm học rất sâu-xa và cái đức-tính rất mạnh-mẽ, khiến kẻ học-giả ở vào địa-vị nào hay cảnh-ngộ nào cũng giữ được cái phẩm-giá tôn-quý, cái khí-tiết thanh-cao, không phụ cái tiếng làm người đứng trong trời đất.

Thưa các bà,
Thưa các ngài,

Câu chuyện: « TÌNH-TRẠNG NỀN HỌC XƯA VÀ CHÍ-HƯỚNG NGƯỜI HỌC-TRÒ XƯA » đã quá dài, tôi tự biết đã làm mất nhiều thì-giờ của các ngài. Vì lòng quá yêu của ông Hội-trưởng ủy tôi ra hầu chuyện các ngài, tôi biết đâu, tàu đấy. dù có thôi sơ, xin các ngài cũng lượng-thứ cho, tôi bao viết cảm-bội.

Cái tình-trạng nền học xưa đã làm cho người học-trò xưa, dù gặp cảnh nghèo hèn đến đâu cũng có thể đi tới đích, đã không thấy sự thiếu thốn mà nản chí, lại không vì đói rét mà thay đổi chí-hướng của mình.

Đành rằng vì bề học bao la, rừng nho bát ngát, mà nhiều người suốt đời bị nhỡ nhàng, song cũng không vì nhẽ ấy mà làm sự cản bây. Cái học của cổ-nhân hình như mưa rầm tốt lúa, gió hòa mùa xuân, nên cái chí-hướng của kẻ sĩ khi xưa thực đã như thanh bảo kiếm đã chăm rèn mới có; lại trong khi học, nhiều câu, học-trò phải đem tâm suy nghĩ, như « học nhi vô hành hà vị chi học » (học mà tính nết xấu thì học nhiều cũng không có ích) cho nên ngoài việc sách đèn, học-trò xưa còn chăm lo sửa cả đức-hạnh nữa.

Ai bảo người học-trò nho ít nói, ít hành-vi, nhưng đó là cái đặc-điểm của người biết nhiều, nhưng làm việc có suy nghĩ thận-trọng, cho nên cả một đời người học-trò xưa là cả một sự cố gắng, gắng sao cho đúng như nhời đức Khổng Tử đã dạy « sĩ chí ư đạo », kẻ sĩ phải giầy công đào luyện để đến được cái đạo, vì cái Đạo là đường đi, là cái chân lý! Vậy nền học xưa và chí-hướng học-trò xưa phải chăng đã cho ta một tấm gương sáng, cho chúng ta ngày nay phải lưu-tâm mà suy nghĩ.

(*Hết*)

Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TẠO

Tissus locaux
ÉTABLISSEMENT CAO-DOT
Chuyên bán buôn và nhận đặt khoán các thứ hàng nội-hóa như:
Douppion, Shan-tung, Faux shangtung, Lin, Faux tropical-Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tai đựng ngô, gạo, vân vân.
Nơi giao dịch:
Thơ bảo đảm và bưu phiếu xin gửi về cho **M. Bùi thọ Cáo:**
12 Rue Strasbourg
HaiPHONG
Muốn lấy mẫu, xin gửi 0$50 bằng timbre để làm cước phí.

TIỂU THUYẾT LỊCH SỬ

ĐÊM HỘI LONG TRÌ

Số 12

NGUYỄN HUY TƯỞNG

QUẬN-chúa lĩnh hòn ngọc, tỏ ý rất vui-vẻ. Chúa hơi yên tâm, bèn đứng dậy nói :

— Cha phải đi đây. Con cứ nằm yên nhé.

Nàng vùng trở dậy, nói :

— Phụ vương đã đi ư ?

Dang nàng lưu luyến. Chúa dùng dằng một lúc, rồi mới quả quyết bước ra, nàng xụp xuống lậy. Ngài đỡ con đứng lên, tươi cười bảo :

— Từ bây giờ cha không bắt con lậy nữa.

Quỳnh Hoa tiễn chúa ra khỏi cửa. Hai cha con, kẻ nhìn theo, người đoái lại chúa đã khuất sau một nếp tường hoa. Nếu ngài quay lại, tất thấy Quỳnh Hoa mếu máo như một đứa trẻ thơ. Bàng hoàng đứng không vững, nàng lả trong tay bầy thị nữ.

Từ đấy trở đi, thái độ của Quỳnh Hoa đổi hẳn. Nàng không khóc lóc nữa, để mặc đời trôi theo định mệnh. Nàng đã tìm ra một ý nghĩa để yên ủi mình : Ấy là sự bảo hiếu. Những lúc đau đớn nhất, tưởng như không chịu nổi cuộc đời, nàng chỉ vì ý nghĩ ấy mà còn bám vào sự sống. Tuy vậy, nàng cũng không còn cảm thấy một sinh thú gì ở đời nữa.

Cho nên nàng thờ ơ với mọi việc. Thị nữ khuyên nàng nên cho người đi tìm Quốc mẫu, nhờ Quốc mẫu can thiệp cho, nàng gạt đi một cách cương quyết, mặc dầu nàng biết rằng nếu Quốc-mẫu biết, thế nào ngài cũng bắt cha nàng bỏ việc hôn nhân. Quốc mẫu đã bắt thì cha nàng phải đàng theo, vì cha nàng là một người hiếu hiếu. Ngày sau khi biết tin ga bán, nàng có những dự định táo bạo. Nàng định trốn đi tu ở một ngôi chùa nào tận rừng xanh núi đồi, nàng lánh cả đến việc quyên sinh cho thoát nợ trần. Nàng còn muốn giết cả Tuyên phi để trừ cho nước một cái họa tầy đình.

Bấy nhiêu dự định, nay nàng bỏ hết.

Nhưng có một việc mà nàng canh cánh trong lòng không sao khuây khỏa được, ấy là mối tình của Bảo Kim đối với nàng, và mối tình chớm nở của nàng đối với chàng thanh niên ấy.

Trước hết nàng tủi cho thân phận. Thực là kiếp vô duyên. Được một tay danh sĩ, học vấn uyên thâm, văn chương tao nhã nhất thời, để ý đem lòng luyến ái, nàng đã dệt trong trí cả một đời thơ mộng. Nàng đã tưởng tượng đến cả đêm đuốc hoa, đàm thắm, nàng cùng chàng bàn bạc chuyện văn chương. Con người nho nhã làm sao, khi phách hiên ngang biết bao ! nghĩ đến chàng phong lưu công tử ấy, nàng lại rùng mình ghê tởm khi liên tưởng đến gã Đạng Lân. Nàng uhám mát, cố xua đuổi trong trí cái hình thù thô bỉ.

Nàng trách trời, trách phận cả lòng hờn ghét Tuyên phi lại nổi lên trong thâm tâm nàng. Nàng nghiến rang như muốn moi gan lôi ruột người đàn bà nham hiểm và uy quyền ấy.

Đám cưới đã định ngày khốc hại và lạnh lùng. Quỳnh Hoa tưởng như quỷ sứ đã báo cho nàng giờ khảo đả. Đấy là ngày cửa ngục mở để nàng tiến vào cõi âm ty.

Nàng sai thị nữ sắp vàng hương, ra lăng thân mẫu nàng để bái biệt. Nàng bày biện đồ cung, đốt nến thắp hương, rồi quỳ xuống. Khói hương bốc theo gió thu, nàng làm rầm khấn :

— Mẹ ơi ! Mẹ có thấu cho tình cảnh con không ? Từ lúc lọt lòng, con không được trông thấy bóng mẹ bao giờ, con đã chịu bao nhiêu nỗi thiệt. Nhưng không bao giờ con lại cầu mẹ như ngày nay. Mẹ đã ngậm ngùi vì phải bỏ con, mẹ lại phải ân hận vì đã sinh một đứa con phận mỏng. Đời con đã sớm vô ích, cớ sao mẹ không cho con đi theo từ buổi sơ sinh ? Con đi đây, hỡi mẹ. Rồi đây, con không biết thân con ra sao, nhưng chắc nó không tươi đẹp chút nào. Phụ vương đã gả con cho một tên vô lại. Giá mẹ còn sống, có lẽ con không đến nỗi, sao mẹ đi vội thế ? Phụ vương đã truyền con chỉ có việc vâng theo : con đi đây, lòng con như cắt, đời con còn bị đầy đọa nhiều. Nhưng muôn việc tránh không khỏi số, oán trách cũng chẳng ích gì. Con đi, chỉ thương mẹ từ đây sẽ bị hương lạnh khói tàn, rêu lan, cỏ mọc, không còn ai thăm viếng nữa !...

Xúc động can tràng, nàng ôm mặt khóc, tiếng khóc não nùng, như tiếng khóc buổi tang đầu.

Sau khi ra viếng mộ về, vì cảm xúc quá, Quỳnh-Hoa sốt li bì trong mấy hôm. Người nàng đã xanh lại càng xanh, đã gầy lại thêm gầy. Tuy vậy, việc hôn nhân không vì thế mà chậm lại. Quận chúa thở dài nghĩ :

— Thôi, chóng lên, càng chóng càng hay, việc đã thế đợi càng thêm khổ.

Và nàng thản nhiên chờ ngày cưới. Nhưng, trước buổi vu quy hai hôm, Quỳnh-Hoa bỗng thức giấc, dạ xao như bào. Nàng mộng thấy cùng Bảo Kim bơi thuyền trên hồ Tây một đêm trăng thu tuyệt đẹp. Gió thổi phiêu phiêu, chàng làm một bài thơ, hai người vừa ngâm vừa gõ mạn thuyền. Giữa phút thần tiên, nàng bừng tỉnh

dậy. Người còn đê mê về giấc mộng tình. Nàng bàng khuâng vừa tiếc giấc mơ vừa ngao ngán cho đời. Nàng áp mặt vào chiếc gối mà nàng đang thêu dở cảnh hội Long-trì. Nàng định thêu hai chiếc đợi ngày hoa chúc, đem tặng Nguyễn Bảo-Kim một chiếc. Lệ nàng giàn giụa, nàng thổn thức rên rỉ trong đêm khuya :

— Bảo Kim chàng hỡi !

Tiếng rên đầy ai oán... Hồn thơ rạo rực, nàng lại bên án, khêu to ngọn đèn, viết thành một bài bát cú, rồi lại tả một bức thư tâm tình gửi cho Bảo-Kim. Cả bài phú Long-trì, ba bài tứ tuyệt của chàng danh sĩ, nàng cũng gói lại cẩn thận. Khi ấy trời vừa rạng sáng. Nàng gọi Ái Thi vào bảo :

— Mi đem gói này đến trao cho công tử Bảo-Kim.

Ái Thi đến giữa lúc Bảo-Kim phiền muộn nhất. Trước chàng ngỡ là câu chuyện đùa, sau thấy quả là sự thực, chàng tê tái trong lòng. Không lấy được Quỳnh-Hoa, chàng không oán hận vì tự lượng chưa xứng với nàng. Nhưng chàng không thể tưởng tượng được rằng người ngọc kia lại về tay một tên vô lại.

Chàng đi đi lại lại trong thư phòng, khái tức dâng lên ngùn ngụt, chàng nghĩ :

— Chúa Tĩnh Đô bị con đĩ Phù đồng làm mê hoặc quá rồi ! Phải làm cho chúa tỉnh mới được. Để thế này thì hỏng hết. Chúa hỡi, có lẽ nào chúa lại nhầm lẫn đến thế ?

Các bạn Bảo-Kim cũng như chàng, đều ngơ ngác. Họ bỏ mặc sách vở, sao nhãng việc học, chỉ họp nhau để bàn tán về chuyện Quỳnh-Hoa. Khắp cả kinh thành đều nhao nhao về tin ấy : Ai cũng lấy làm lạ lùng cho thái độ chúa Tĩnh-Đô. Bảo Kim thì như một người mất trí...

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Hộp thư

Cụ Ưng-Trình Huế.— Rất hoan nghênh tôn ý. Sẽ đang. Kính tạ.

Bạn đồng-nghiệp Bùi Thế-Mỹ tạ thế !

Chúng tôi vừa nhận được thiếp cáo-phó của tang-gia cho hay rằng ông Bùi Thế-Mỹ, chủ-nhiệm « Dân Báo » ở Saigon mới tạ thế hồi 8 giờ sáng 27 Mars 1943, thọ 40 tuổi.

Ông Bùi là một cây bút có tiếng trong làng báo Việt-Nam. Ông đã từng chủ-trương một vài tờ báo lớn ở Nam-kỳ. Nay ông vội bỏ dở công-cuộc mà vĩnh biệt làng ngôn-luận : thật là một cái tang chung trong báo-giới xứ ta !

Tri-Tân đồng-nhân xin có lời kính viếng ông và chia buồn cùng tang-quyến.

TRI-TÂN

Bài đường luật...

(Tiếp theo trang 19)

Tôi nghĩ : tự cụ viết lấy lòng triệu trối dặn lại, sao cụ không biểu nó gồm mấy chữ ? Nếu câu « *minh sanh* (7) *chín chữ lòng son tạc* » là của cụ *Phan* thì mảnh hoa tiên di bút mà ông *Thọ-Xuân* xem được ở nhà ông *Phan thanh Hoài*, đích tằng tôn của cụ *Phan*, không phải là một tài liệu gia-truyền hay sao ? Vả lại, cụ ghi tạc 9 chữ ấy làm gì ? Để tỏ với đời rằng cụ khiêm nhường ? Hay cụ có tội đối với Triều-đình nên không đáng mang phẩm tước ? Câu ấy phải là của một cụ đồ như cụ *Đinh-Chiểu*, bỏ cả lợi danh, bỏ cả tranh đấu, nằm nhà ôm chặt cái tiết thảo một anh học trò, của một người quên hết việc đời như cụ Đinh-Chiểu : ghi tạc cái cao khiết của anh-hùng !

Đọc kỹ toàn bài thơ, nhất là câu thứ nhì và 7, ta thấy tác giả khóc một người đã thác. Nếu tác-giả không phải là cụ *Đồ-Chiểu* thì phải là một sĩ-phu nào khác, chớ quả quyết không phải là cụ *Phan*, theo như những lời tôi vừa biện giải trên đây.

Phải chăng chúng ta lại đứng trước một bài thơ « *dệt cửi* » thứ nhì ?

TRỰC-THẦN

1) Trong những sách thi hiệp tuyển trong Nam, bài ấy lấy tựa là : Từ gia vợ đi làm quan.

2) Việt âm văn uyển Lê-Sum chép : một vừng mây bạc...

3) Theo Khuông Việt (Tôn Thọ-Tường).

4) Ông Tất-Tố chép là đành nỗi phận. Như thế sai với ý nghĩ của cụ Phan.

5) Lấy nghĩa ở câu sách Trang tử « Thừa bỉ bạch vân, chi vu đế hương », tức là nói người chết (lời giải của P. V. H. trong N. L. Đ. C.

6) Xem Đại việt tạp chí số 1.

7) L. T. S. — Hai chữ này nên đọc là « minh tinh », vì hán văn viết là 銘旌, tức là cái cờ bằng lụa đỏ viết chữ phấn, đề tên tuổi chức tước người chết, đi trước đám tang. Có lẽ các bạn trong Nam quen đọc chữ « tinh » đó là « sinh », nên mới thường kêu là « minh - sanh » chăng.

Muốn làm giàu mua vé số

Đông Pháp

1p.00 một vé

Đính-chính

T. T. số này, trang 14 cột 3, giọng 8 sót chữ « bức » trong câu « trí nhân bức học hy lạp », giòng 17 « chúc trọng » sửa là « chú trọng ».

Sách của thư-xã

Alexandre de Rhodes

ĐÃ XUẤT BẢN

Thơ Ngụ ngôn La Fontaine

Bản dịch của ông NGUYỄN-VĂN-VĨNH, có cả Pháp văn đối-chiếu.
150 trang đều có tranh ảnh của MẠNH-QUỲNH
Bìa 3 màu, khổ 17×23.
Bản thường 1$00 — Bản giấy Đại La 5$00

KIM-VÂN-KIỀU, tome I

Bản dịch và chú thích của ông **Nguyễn-văn-Vĩnh**
350 trang khổ 17×23
Bản thường 2$00 — Bản giấy Vergé bouffant *7$00*

Lược-khảo Việt-Ngữ

của ông **Lê-văn-Nưu**
Ngót 100 trang khổ 12×17
Bản thường 0$50 — Bản giấy gió 4$00

—*—

Sắp xuất bản, vào đầu tháng Avril

LE PAYSAN TONKINOIS

à travers le parler populaire

Bản Pháp văn của ông PHẠM-QUỲNH
100 trang, cả tranh ảnh của MẠNH QUỲNH
Bìa 2 màu, khổ 17×23
Bản thường 0$80 — Bản giấy Đại la 5$00

Tổng phát-hành **Mai-Lĩnh**

21 Rue des Pipes — Hanoi

ĐÃ CÓ BÁN : **ĐÀO-DUY-ANH**

*

TRUNG-HOA SỬ CƯƠNG

(Từ đời thái-cổ đến ngày nay, quyển sách đầu tiên viết bằng quốc-văn về lịch-sử Trung-hoa là nước văn-minh xưa nhất Á-đông và đã làm thầy văn hóa cho nước ta trong gần hai mươi thế kỷ). Giá bán: 3$00

VĂN-HÓA

29, Maréchal Pétain — Huế

NGÔ TẤT TỐ

THI VĂN BÌNH CHÚ

QUYỂN THỨ I : 1$20

QUYỂN THỨ II : 1$50

Đã xuất-bản trong « Tủ sách Tao-Đàn »

Một bộ sách văn học có giá trị họp tập được hết tất cả những bài văn thơ có giá trị từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX. Bình chú rất công phu. Sách in cực đẹp.

25-3-43 xin đón đọc

NHÂN LOẠI tiến hóa sử

của

BẠCH - KHOA

Một cuốn khảo cứu rất khoa-học về cuộc tiến hóa của loài người từ lúc khai thiên lập địa đến ngày nay. Đọc hết cuốn này, tức là các bạn đã đọc hết hàng trăm pho sách kim cổ đông tây bàn đến loài người vậy.

Dày trên 200 trnag — Giá 1$80

HÀN THUYÊN PHÁT HÀNH

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général
Directeur : Nguyễn-Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tụ-Quán
Imp. Tri-Tân — 70, Bạch-Mai Hanoi